Năm Nhâm-Thân Số 29

Ngày 20 Février 1932

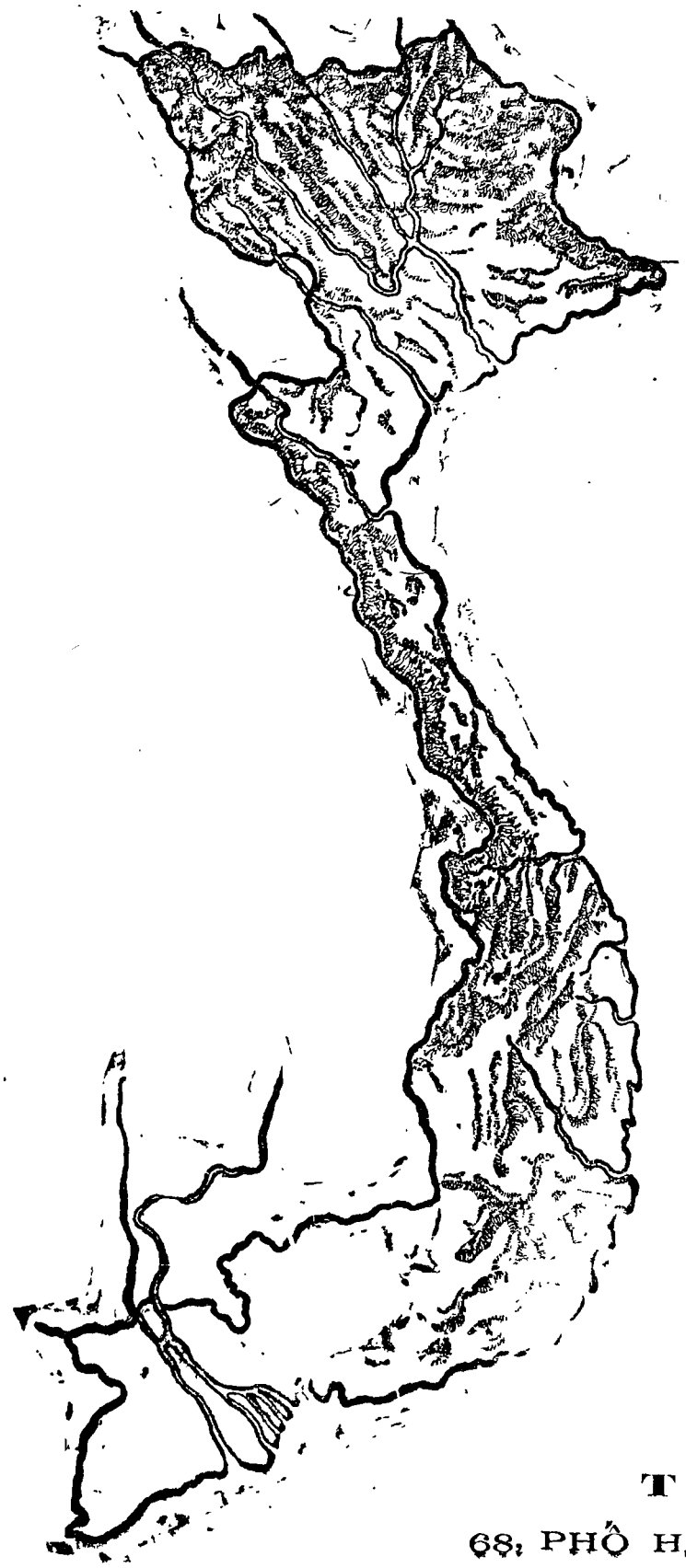
AN NAM

TẠP-CHÍ

XUẤT BẢN NGÀY THỨ BẢY

Directeur : NGUYỄN-KHẮC-HIẾU

Administrateur : NGÔ-THÚC-ĐỊCH



NHỮNG BÀI ĐĂNG TRONG KỲ NÀY :

Bài-trừ cái nạn Phan-Khôi ở Nam-Kỳ.
Ban trị-sự của một tờ báo lớn ở Pháp.

Một cái khổ-tâm của con nhà nghề.
Rở vội mấy trang sử-ký.
Lư-thoa tự-thuật.

Giá-trị của sự chết (văn xuôi).
Thơ (bốn câu và tám câu) — Câu hát lạp. — Các thơ dịch. — Văn tập Kiều. — Hài-văn (2 bài) — Thi-đàn giảng-tập (1 bài xướng và 2 bài họa).

« Bố anh ấy chết » (Đoản-thiên tiểu-thuyết).
Người lấy ma (Truyện vui).
Thời-sự
Đâu có lạ-lùng ! (Trường-thiên tiểu-thuyết).

GIÁ BÁO

Một năm	5$00
Nửa năm	2, 60
Một số	0, 10

TÒA BÁO

68, PHỐ HÀNG KHOAI – HANOI

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Khẩn-cáo

Bản-chí xin có lời cáo để các Ngài có giấy mua năm từ trước biết rằng:

1. — Những Ngài nào mua năm mà đã trả tiền, xin cho biết chỗ ở hiện nay và số tiền đã trả, cùng số báo đã nhận trong khi trước, để Bản-chí được tiện sự gửi tiếp.

2. — Những Ngài nào mua năm mà chưa trả tiền, nếu các Ngài có sẵn lòng mua nữa, cũng xin gửi giấy cho biết, để Bản-chí tiện gửi.

☆☆

Thuộc về sự mãi mại, đối với các nhà Đại-lý, Bản-chí xin định tiền hỏa-hồng như sau này:

1. — Các Ngài nhận bán giúp ở các nơi, xin tính trừ hỏa-hồng nhất định là 15°/°. Bưu-phí về Bản-quán nhận chịu. Mỗi tháng tính tiền giả về một lần.

2 — Ngài nào muốn mua buôn hẳn cho tiện, xin tính trừ phần lợi 20°/°. Bưu-phí về Bản-quán nhận-chịu. Mỗi lần gửi theo lệ **lĩnh-hóa giao-ngân.**

Các ngài có lòng yêu, cho được rộng đường tiêu-thụ Bản-chí lấy làm cám ơn. Xin miễn sự châm-chước hơn kém.

Kính cáo

An-Nam Tạp-Chí

BÀI-TRỪ CÁI NẠN PHAN-KHÔI Ở NAM-KỲ

Muốn bài-trừ cái *nạn Phan-Khôi* ở trong Nam, cần phải giết (1) bỏ ông *Phan-Khôi* ở trên đàn ngôn-luận. Trước khi muốn giết ông *Khôi* ở trên đàn ngôn-luận, lòng tôi cảm-tưởng bồi-hồi, lại nhớ đến khi xưa trong hồi xem tập văn Âm-băng, thấy truyện *Viên-sùng-Hoán* giết Mao-văn-Long (2) vậy.

Nghĩ như ông Phan-Khôi là người có tài-học trong buổi Hán-học đã tàn này (xem lại bài nói về ông Phan-Khôi trong An-nam tạp-chí số 26), nếu trên đàn ngôn-luận giết bỏ hẳn ông đi, thực rất đáng là thương tiếc. Lại biết đâu rằng không vì một chỗ đó mà sau này thành ra tôi có mang phần tội lỗi với quốc-dân. Cho nên nghĩ đến truyện Viên-sùng-Hoán giết Mao-văn-Long mà càng thêm cảm-tưởng bồi-hồi vậy. — Tôi đã nghĩ biết đến như thế, lại nghĩ trái lại rằng: như ông Khôi thật là người có tài, mà rộng xem trong xã-hội ta hiện nay, ai là người có đủ sức (chữ *sức* đây gồm cả hai tính-chất văn-học và tư-bản) để dùng được cái tài của ông Khôi, thực là khó có. Nếu tài không đắc-dụng mà truyền làm tai-nạn, thời chẳng giết để chi? Đó là nghĩ về phần công-chúng. — Tôi lại riêng tự nghĩ: phàm người ta muốn làm một việc gì, chỉ cần nên biết rõ việc ấy có quả là nên làm hay không; còn như an nguy lợi hại về phần riêng một mình, sau rồi có xảy ra như sao, nhất-thiết không cần nên tính đến. Theo các sự nghĩ như trên đó, xin xét về tội-án ông Phan-Khôi.

Cứ trong tội-án ông Khôi viết bài ở *Phụ-nữ tân-văn*, phần nhiều ở về phương-diện làm hại phụ-nữ-lưu; nhưng nay cũng nói về một khoản can trọng hơn, là bài « **Cái cười của con Rồng cháu Tiên.**» đăng trong *Phụ-nữ tân-văn* số *84*, ra ngày *28 Mars 1931*. Nay xin hãy cứ một bài ấy, tra xét, nghĩ xử.

Trong Phụ-nữ tân-văn đăng bài ấy của ông Khôi, dưới cái đầu đề in chữ to là «*Cái cười của con Rồng cháu Tiên*», lại có một giòng cũng là đầu đề mà in bằng thứ chữ nhỏ hơn, là: «**Một cái cảm-tưởng trong khi đọc «Cay đắng mùi đời**». Cứ như hai giòng chữ đầu đề ấy nhận ra, cái gian-tình của ông Khôi đã phơi trắng ra ở mặt giấy. Đó là ông muốn cổ-động cho cuốn tiểu-thuyết «*Cay đắng mùi đời*» ấy, mà ông mượn bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*», đặt làm đại đề-mục, khiến cho các độc-giả phải để mắt, để ý mà xem tới trong bài, mà đọc tới những lời cổ-động của ông phục-tàng khôn-khéo ở trong văn. Một sự lợi-dụng đó đã hiển-nhiên ở hai giòng chữ đầu đề, bốn chữ «*cay đắng mùi đời*» đi theo với bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*», ông Khôi dẫu muốn cãi thế nào, cũng không thể cãi gỡ được.

(1.— Chữ «*giết*» đây, truyện đối với cái mình tinh-thần của ông Khôi mà nói, cho nên bảo là « *giết bỏ ông Phan-Khôi ở trên đàn ngôn luận.*» Nếu nói về cái mình hình sắc của ông Khôi, thời tôi không có quyền được nói *giết*. Vả chăng, cái mình hình-sắc thời ông Phan-Khôi cùng với người vô-học, vô tội khác, cũng không lấy gì làm khác nhau, thời cũng không can gì mà cần giết. Trong bài đây, phàm đối với ông Khôi mà nói đến chữ *giết*, hoặc những chữ thuộc về sự *giết*, đều ý-nghĩa như thế. Xin Độc-giả cẩn-thận để ý.

(2.— *Viên-sùng-Hoán* 袁崇煥 *giết Mao-văn-Long* 毛 龍 là sự-tích ở trong sử Trung-quốc về cuối đời nhà Minh. Nếu vị Độc-giả nào muốn biết tường, đợi có thì giờ, xin sẽ tường-thuật ở kỳ khác. Đây chỉ nói qua để Chư-vị biết rằng: Hai người này cùng là tướng-thần của Minh. Mao-văn-Long cũng là người có tướng-tài, chức *Bình Liêu tổng-binh-quan*, coi quân-chấn ở Song-đảo. Viên-sùng-Hoán phụng mạnh sung chức *Đốc-sư ở Kế, Liêu*. Đó một mặt chống nhau với quân Mãn-Thanh trong khi hai nước đương tranh địch. Viên-sùng-Hoán lấy chức-vị Đốc-sư, ra Song-đảo, chiêu Mao-văn-Long tới nơi, chém chết ở dưới trướng. Tới sau Sùng-Hoán đắc tội, tuy vì một nhẽ khác mà vua Minh đem lòng ngờ, song lấy sự giết Mao-văn-Long làm cớ. — Song-đảo là một cái cù-lao giữa bể, ở về mạn tây-nam phủ Phụng-thiên.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Nguyên một sự viết bài trong báo mà lẫn lời quảng-cáo ở trong, cái lỗi chỉ là *lạm dụng công-quyền của Báo-quán mà mưu-đồ sự tiện-lợi về phần riêng.* Cái lỗi ấy, chỉ trong đối với Chủ-nhân Báo-quán, ngoài đối với các bạn Độc-giả mua năm, mua lẻ của tờ báo ấy, mà có lỗi về sự man-trá theo tính-cách tiểu-nhân. Nếu về phần người viết thật khôn ngoan, về phần người xem không xét tới, thời chỉ như một sự ăn cắp rất chơn chu, không thành câu chuyện. Nếu về phần người viết kém khôn ngoan, về phần người xem có xét tới mà bỏ qua lảm một sự buồn cười, không cần chê trách, thời cũng không thành câu chuyện. Hoặc về phần người viết không khôn ngoan, về phần người xem xét ra tới, ông chủ-nhân trong Báo-quán quở trách người viết bài qua-loa, độc-giả của tờ báo viết bài để chỉ-trích, như hễ thời dù có có câu chuyện, mà câu chuyện cũng rất là nhỏ-nhen. Những câu chuyện như đó, ai muốn biết thời biết, ai muốn nghe thời nghe, không quan-hệ đến sự cần biết cần nghe của công chúng. Vậy thời một cái lỗi nhỏ-nhen ấy, tuy rằng tôi có xét ra, song xin giao giả về cho Phụ-nữ tân-văn. Một bên, phần người được xét xử, là hai vợ chồng ông *Nguyễn-đức-Nhuận* và các bạn *Độc-giả* của Phụ-nữ tân-văn; phần người ấy rộng lượng hay hẹp lượng thế nào, tùy ý. Một bên, phần người bị xét xử, là M. Phan-Khôi, có phục tinh hay không phục tinh thế nào, mặc ý. Tóm lại, một cái trường-hợp đó không cần đem ra trước tòa-án công-luận của quốc-dân trong ba kỳ. — Cần đem ra trước tòa-án công-luận của quốc-dân trong ba kỳ, là: cái tội ông Phan-Khôi dám lạm dùng bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*» làm quảng-cáo cho cuốn tiểu-thuyết kia, mà lại đem những giọng mỉa-mai, lời cợt riễu, để đối với bốn chữ ấy.— Nay tôi xin, trước mặt quốc-dân, đỡ lời công chúng, quyền làm sự thẩm-án thuộc về tòa Sơ-cấp, mong ai nấy cùng nghe:

Nguyên bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*» trong quốc-văn thường dùng ngày nay, là gốc ở chữ Hán trong Quốc-sử. Lời vua *Lạc-Long* bảo bà vợ là bà *Âu-cơ* rằng: 我是龍類o爾是仙類o *Ngã thị long loại, nhĩ thị tiên loại* = «*Ta là loài rồng, mình là loài tiên.*» Đó là chữ chính trong Quốc-sử. Về sau, gần đây, những người làm sử, làm sách, làm văn bài bằng chữ Hán, mới thuật ở hai chữ 龍仙 đó, mà có như câu 龍父仙母之子孫 «*Long phụ tiên mẫu chi tử tôn.*» Ấy bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*» lại là do ở câu chữ Hán ấy dịch ra, mà nói lọn như vậy. Nay cứ bốn chữ Quốc-văn ấy mà làm sự giảng giải, thời có hai nghĩa:

Một là nói về nghĩa *hiện-tại*, thời bốn chữ đó trỏ khắp vào mấy mươi triệu đồng-bào giai gái, cùng là con cháu nhà Lạc-Long.

Hai là nhận về nghĩa *gốc tích*, thời một chữ «*con*» đó, tức là các cụ tổ chúng ta ngày xưa, cùng hàng anh em với vua Hùng-vương mà chính vua Hùng-vương cũng là một vị người trong chữ «*con*» đó. Vì rằng ở sử cũ, vua *Lạc-Long* cùng bà *Âu-cơ* chia 50 con theo mẹ về núi, 50 con theo bố ở Nam; tôn người con trưởng lên làm *Hùng-vương* để nối ngôi trị vì.

Cứ nhận kỹ như đó, thời biết bốn chữ «*con Rồng cháu Tiên*» của dân-tộc Việt-Nam, thực là tôn quí không có vật gì ở trên nữa. Nay hãy xem như có một hoàng-phái nào, đặt ra bốn chữ 金枝玉葉 «*kim chi ngọc diệp*» để tự tôn cái giòng giống nhà mình; thời bốn chữ ấy đối với giòng giống nhà kia, hẳn cũng rất là tôn quý. Huống chi chữ gốc ở Quốc-sử mà chỉm cả dân-tộc, thời tôn-quý biết là nhường bao! Cho nên như bốn chữ «*con Rồng, cháu Tiên*», người An-nam ai có muốn nói đến, hoặc viết ra câu văn, câu thơ, chỉ nên dùng về bên nghĩa tốt, như tự tôn, tự ái, tự quý, tự trọng, ngợi khen, chúc tụng, ào yếm, yêu đang, như thế mới là hợp dụng. Nếu có kẻ nào trong Quốc-dân dám đem bốn chữ đó dùng làm cái bia để mỉa-mai, để chế riễu, tức là kẻ đó có can tội với toàn-thể Quốc-dân, với Thủy-tổ của nước vậy. Như kẻ đó, kết vào tội «*đại bất kính*» 大不敬, thực rất là không oan!

Cứ việc cũ ở Á-đông, ở trong sử Trung-quốc, về đời vua Văn-đế nhà Hán, Quan Thừa-tướng là Thân-đồ-Gia 申屠嘉 quở mắng Đặng-Thông 鄧通 (một

kẻ bầy tôi yêu riêng của vua Văn-đế) rằng:

通小臣戲殿上大不敬當斬

Thông, tiểu-thần, hý điện thượng, Đại bất kính! Đương trảm.

Nghĩa rằng:

«Thông, mày là một kẻ bầy tôi nhỏ mọn, dám đùa bỡn ở trên chỗ cạnh vua. Cả là bất kính! tội nên chém!»

Ấy chữ «*đại bất kính*», nghĩa như thế, tội đáng là như thế.

Đoạn gần cuối ở trong bài của ông Phan-Khôi có nói rằng:

« Có một phần đông người Pháp ở đây, ta hẳng ngày cũng có thể chiêm nghiệm được cả một dân-tộc Pháp, Ví dụ như gặp khi giời mưa đường chơn, có người nào đó, bất kỳ đi vô ý mà trợt té, bấy giờ có năm ba người Pháp đứng đó, họ có cười hay không? Tôi và có nhiều người như tôi nữa, dám chắc rằng họ chẳng những không cười, mà lại còn chạy lại để đỡ người bị té ấy lên nữa. Còn như con Rồng cháu Tiên ta, ai không biết, chớ tôi cầm chắc rằng trước khi chạy lại đỡ, họ phải cười một chập cho no-nê đã.»

Như lời trong đoạn đó, ông Khôi khen người Pháp, sao chẳng rất là phải. Còn như ông mỉa-mỉa *con Rồng cháu Tiên* về cái tội cười đó, thời tôi dẫu không bênh được hết, cũng có thể nói lại được ít nhiều. Quốc-dân ta trình-độ chửa văn-minh, thời hạng người hạ-lưu, cái thói xấu biết kể sao cho xiết. Sự cười đó chưa lấy gì làm quả lắm, nhất là như một sự «*đi tiểu*» của một phần người đàn bà Hà-nội, những người đầu đội thúng, vai mang gánh, hoặc đi chân tay không, bất cứ ở tại đường phố nào, nếu không thấy ông Phú-lít ở bên, thời là vén quần đi tiểu luôn, coi như chỗ bờ dậu của nhà mình vậy. Một phần người như thế thực không ít; song cũng có phần nhiều người khác như các hạng nữ-giáo-viên, nữ-học-sinh sa-dờ-phăm (sage femme), bà Tham, bà Phán, các con gái các nhà buôn bán ở thành phố, thời cái sự *đi tiểu ở đường phố* như thế, thực là ít thay! Suy một sự «*đi tiểu*» mà nhận sang sự «*cười*», thời những người có cái thói cười xấu như ông Khôi đã nói, chẳng qua là một hạng người hạ-lưu, tư-cách cũng chính như những người đàn bà đầu đội vai mang mà đi ở đường phố Hà-nội vậy. Nếu do một sự *cười* đó có thể đem bốn chữ «con Rồng cháu Tiên» mà diếc móc, thời một sự *đi tiểu* của một phần người đàn bà Hà-nội, ông Khôi khó gì không mỉa-mai đến cả nòi giống được ru? — Đến như sự *đi tiểu* của đàn bà nước Pháp thời thật tôi chưa từng được trông thấy một người đàn bà Pháp đi tiểu ở đâu bao giờ. Ông Khôi đã biết khen người Pháp về sự không cười sằng, thì như sự *không đi tiểu sằng* của các bà đầm kia, ông tú Khôi lại càng nên hương hoa mà đính chúc lắm vậy!

Một câu thật cuối ở trong bài của ông Khôi, tức là đoạn tiếp luôn với đoạn trên, có nói rằng:

«*Nội một cái biểu-hiệu để tỏ ra người ta khác với vật mà mình cũng đã không biết dùng bằng họ rồi.*»

Ngẫm kỹ cái ý nói của câu ấy, tức là ông Khôi vỏi lên chữ «*con Rồng cháu Tiên*» ở đoạn trên, mà cho là không khác giống vật vậy.

Dân-tộc Việt-Nam ta, kể từ sau đời Hùng-vương, cũng đã có nhiều phen lừng-lẫy, như những hồi Lý-Thường-Kiệt đánh Tống, Trần Hưng-đạo phá Nguyên, Lê Thái-Tổ bình Ngô, Nguyễn Quang-Trung trừ Thanh. Đương những lúc như ấy thời trong quốc-dân ta, «*con Rồng cháu Tiên*», chắc không có ai kể xấu nhau về tiếng nói câu cười. Bụt nhà đến lúc không thiêng, thời bệ lở tòa nghiêng, thằng nhỏ chăn trâu mới dám lấy gai mà chọc mát. Hai nhăm triệu lòng người chưa chết cả, nghe giọng lưỡi của Phan-Khôi như vậy; vui, buồn, cười, khóc nên nhường sao?

Cứ cái tội-án Phan-Khôi do ở bài «*Cái cười của con Rồng cháu Tiên*», về phần tôi sơ-thẩm như thế, nghĩ nên kết theo lời Thân-đô-Gia bảo Đặng-Thông: «*Đại bất kính! Đương chảm!*» Duy trong Luật lại có điều «*chảm, giam, hậu*». 斬監候.. nghĩa là: *kết tội chém, nhưng còn giam đó, để đợi quyết.* Vậy cái tội Phan-Khôi, xin nghĩ kết **Chảm, giam, hậu.** Một là: để đợi quyết. Hai là: để trong quốc-dân ta, ai có vì Phan-Khôi thương tiếc, xin cứ vì Phan-Khôi thân oan. Phan-Khôi có tự lấy mình làm oan, xin cứ hết lời thân-oan.

Le Directeur de la Revue d'Annam
Nguyễn-khắc-Hiếu

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

BAN TRỊ-SỰ CỦA MỘT TỜ BÁO LỚN Ở PHÁP

Ngoài bộ biên-tập, (1) nhà báo còn có một ban *trị-sự* do viên *quản-lý* đứng đầu.

Về phương-diện kinh-tế, ở trong ban trị-sự có viên quản-lý, cũng như về phương-diện tinh-thần, ở trong bộ biên-tập có viên thư-ký vậy.

Viên thư-ký bộ biên-tập có những người viết bài, những viên trợ-bút những người phóng-viên đỡ tay, thì viên quản-lý ban trị-sự, có những người trông nom về sổ-sách, tiền nong, mua bán giúp việc.

Năm 1914, báo Le Matin có 150 viên trợ-bút, thì có 500 người giúp việc ban trị-sự, ấy là chưa kể 200 người thợ làm về việc in. Cũng trong thời-gian ấy, báo Le Petit Parisien có 75 viên trợ-bút, thì có 400 người giúp việc ban trị-sự, ấy là không kể 376 người thợ làm về việc in.

Không những viên quản-lý trông nom bằng ấy người trong ban trị-sự, mà một đôi khi lại còn phải để mắt đến công-việc trong bộ biên-tập nữa.

Cái nhiệm-vụ cốt-yếu của viên quản-lý là: làm thế nào cho bên *chi* và bên *thu* giữ được *mực thăng bằng*, và nếu có thể ra, lại còn phải làm sao cho báo *có lợi*.

Cái lợi ấy có khi lớn lắm. Tờ Le Petit Parisien, một năm 1914 mà lợi đến 3.342.264 quan.

Tờ báo sở-dĩ có lợi đến thế, là nhờ ở sự quảng-cáo cho các nhà buôn. Thật ra, một tờ báo in rồi đem bán, nếu không trông vào tiền quảng-cáo, thì không thể nào thu đủ vốn về.

Trước hồi Âu-chiến, một tờ báo Pháp bán có một xu (5 centimes) nếu có được 80.000 hay 100.000 độc-giả, thì mới đủ sức sống.

(1) Xem hai kỳ báo số 26 và 27.

Ông Latzarus, một nhà làm báo lâu năm, đã phác-họa cái nỗi khó-khăn thứ nhất của các nhà làm báo như sau này:

«60 tấn hàng dự-bị trong 12 tiếng đồng-hồ, chế-tạo trong 3 tiếng đồng-hồ, gửi đi cho 2 vạn người trong 5 tiếng đồng-hồ, mà phải gửi đi ngay hôm ấy, vì rằng: hôm nay một tạ hàng (báo) đáng giá 75 quan, để đến mai, mỗi tạ chỉ còn đáng giá có 6 quan 75».

Nay thử xét về các khoản *chi-tiêu* của các nhà báo.

Nói đến các khoản chi-tiêu của các nhà báo, thì trước hết là món tiền tiêu về việc xếp-đặt báo-quán. Số tiền ấy lớn lắm, đã đành nhà báo chỉ phải bỏ ra có một lần đầu, nhưng về sau, còn phải trả tiền những người trông nom quét tước cho được sạch-sẽ, tiền đốt sưởi thắp đèn, mà nếu báo không có nhà, thì lại phải trả tiền thuê nhà nữa.

Hai là nếu báo-quán có nhà in riêng, thì viên quản-lý phải cho mua sẵn các nguyên-liệu như: giấy, mực, trì để đúc ảnh (cliché).

Ba là tiền trả các hãng thông-tin. Đến đây tưởng cũng nên nói qua về các hãng này đôi chút.

Trong các hãng thông-tin ở Pháp có hãng Havas ở phố Lư-Thoa, ở Ba-lê là to hơn hết.

Hãng này lập ra tự năm 1835, mục-đích cốt nhặt các tin-tức ở ngoại-quốc và ở các tỉnh, để ai mua thì bán.

Muốn cho tin-tức được nhanh chóng, kỳ-thủy hãng này phải dùng chim bồ câu, buộc thư vào chân cho nó mang tự kinh-đô các nước bay về Ba-lê. Sau nhờ có máy vô-tuyến-điện phát-minh, nên hai người làm công trong hãng mới bỏ vốn ra lập nên hai chi-điếm. Một chi-điếm ở Luân-đôn tức là hãng Reuter. Một chi-điếm nữa ở Bá-linh tức là hãng Wolf bây giờ vậy.

Đến năm 1873 người lên kế-nghiệp hãng Havas mới mở ra một sở bán các bài-vở, tiểu-thuyết trường-thiên, cùng là các tin-tức viết đủ các giọng, theo đúng tôn-chỉ của mỗi tờ báo; báo nào thích kịch-liệt thì hãng có văn kịch-liệt, báo nào thích ôn-hòa thì hãng có văn ôn-hòa.

Ngoài bài-vở, tiểu-thuyết, tin-tức ra, hãng này còn bán các tranh ảnh nữa.

Gần đây, biết nghề này có lợi, nhiều hãng khác đã xuất-hiện ra nhưng, thiết-tưởng nói một hãng, Havas cũng đủ.

Tin tức các hãng thông-tin bán rất đắt. Báo nào muốn cho mình có riêng tin ấy tin nọ, thì phải trả các hãng thông-tin một số tiền cực lớn. Như năm xưa báo Le Matin ký với hãng Le Times bản hợp-đồng về các tin riêng cho một mình, mà phải trả tới 125.000 quan, và thuê hãng ấy nối cho mình một cái giây điện riêng từ Luân-đôn về Ba-lê, mà phải trả thêm 25.000 quan nữa.

Ngoài các hãng thông-tin ra, còn có các hãng như: Le Courrier, L'argus de la Presse mục-đích là: xem hết các thứ báo ở trên hoàn-cầu, rồi tóm tắt lại, hoặc đoạn nào hay thì trích ra, để có ai mua thì bán.

Lại nói đến những món tiêu-vặt ở quyền-hạn chi-phát của viên quản-lý.

Trừ ba món chi đã nói ở trên kia,

viên quản-lý còn phải trả tiền *vận-tải* cho báo.

Riêng về khoản tiền vận-tải, mỗi năm báo Le Petit Parisien phải trả tới 3 triệu.

Khi báo in xong, gập vào, quấn băng, đóng dấu tem từng số, rồi lựa xem những số báo nào gửi trong thành-phố, hoặc ở các miền phụ-cận, thì cho vào xe hơi riêng của nhà báo đem phát cho những người mua.

Còn những số báo nào gửi đi các tỉnh thì cuốn thành bó, bỏ vào xe hơi đem ra tận ga, trước giờ tầu chạy. Về việc gửi báo này, riêng có một người đứng trông nom chịu trách-nhiệm,

Bởi sự gửi báo ở Bê-lê gặp nhiều nỗi khó khăn, nên gần đây các báo đều giao cả cho hàng Messageries Hachette là một hãng chuyên nghề vận-tải báo-chí.

Hãng này có mấy trăm người làm, tự 3 giờ đến 5 giờ sáng; tự 5 giờ chiều đến 7 giờ tối, chạy khắp thành phố Ba-lê phát báo cho các người mua, các đại-lý, và các ga để gửi đi các tỉnh.

Ở Ba-lê hay là ở các tỉnh cũng vậy, các phố, các ga xe-điện, xe-lửa không chỗ nào là không có người làm đại-lý bán báo. Đại-lý bán báo phần nhiều là các hàng cà-phê, các hàng sén, hàng bán sách v.v... Như ở Ba-lê là nơi đô-hội thì không mấy nơi là không có những cái đài bát-giác làm bằng gỗ, của thành phố lập ra cho các tư-gia thuê để bán báo-chí.

Món chi thứ năm của nhà báo là: tiền quảng-cáo các bài vở, hoặc cuốn trường-thiên tiểu-thuyết sắp sửa đăng, hoặc mục-lục số báo ra ngày hôm ấy, cùng là công-sá các người làm trong bộ biên-tập và ban trị-sự. Ấy là chưa kể số tiền báo bị phạt hoặc bị bồi-thường vì đã đăng những tin tức không đúng, hoặc những bài công-kích vô-bằng-chứng có phạm đến danh-dự và quyền-lợi của một cá-nhân hay một đoàn-thể nào.

Trước kia vì số tiền phạt ấy mà có khi báo phải chết. Bây giờ luật làm báo có rộng rãi hơn trước, nên tùy tính-chất từng việc, mà số tiền phạt ấy đã nhẹ hơn trước nhiều,

Đại-khái các khoản chi-tiêu trong báo là thế. Nay nói đến các khoản *thu vào*.

Tiền thu vào có hai khoản quan-trọng :

1. — Tiền bán báo.

2. — Tiền quảng-cáo.

Muốn cho báo chạy viên quản-lý có ba cách :

1. — Tổ-chức việc bán cho khéo.

2. — Làm thế nào cho số báo in ra mỗi ngày mỗi tăng thêm.

3. — Làm thế nào kiếm được các nhà đăng quảng-cáo cho nhiều và tính theo giá cao.

Muốn như vậy, cần phải biết báo của mình định bán cho hạng người nào. Như báo Le Figaro, Le Temps, chỉ cốt bán riêng cho các người giàu có, nên giá tính đến 8 xu (40 centimes) một số. Còn như các báo khác định bán cho hạng bình-dân, nên giá bán có 5 xu (25 centimes) một số.

Thường thường, những người mua báo dài hạn hay giả tiền trước, nên viên quản-lý hết sức làm cho số những người này tăng lên.

Ở Ba-lê thì người đọc báo hay mua báo lẻ hơn là mua báo dài hạn, để có thể nay xem báo này, nếu có điều gì không thích, mai lại mua ngay báo khác. Lại còn một lẽ nữa. Những người đi làm thuê, làm mướn ông Ký, ông Thông, sáng ngày ra mua một tờ báo ở ga hay ở các đại-lý gần ga, lại có thể mua luôn được cả vé xe-điện, xe-hầm, ô-tô xe-lửa khứ hồi, mà không phải mất công chen-chúc chờ-đợi.

Vì người đọc báo ưa mua báo lẻ như thế nên các viên quản-lý các báo có đặt ra nhiều đại-lý ở trong thành-phố, ở ngoại ô, ở các tỉnh và ở ngoại-quốc. Năm 1914 báo Le Petit Parisien có 25.000 đại-lý. Các đại-lý nhận được báo lại phát cho các nhà bán báo lẻ. Những đại-lý và những nhà bán báo lẻ tính từ 5 đến 15 phần trăm tiền hoa-hồng và mỗi một tạ báo ế gửi về trả, nhà báo lại phải trả cho họ 10 quan nữa.

Tổ-chức việc bán cho chu-đáo cũng chưa đủ, viên quản-lý còn phải hiệp-ý với viên chủ-nhiệm, làm sao cho số báo in ra mỗi ngày mỗi tăng lên. Lúc này là lúc viên quản-lý can-thiệp cả đến công-việc bộ biên-tập.

Thí-dụ như : viên quản-lý chầm-chước với một bọn các nhà buôn, hoặc các nhà công-nghệ, xướng-xuất ra công-kích một món hàng gì, rồi cử bộ biên-tập viết bài đăng báo. (Những bài viết công-kích như thế, ít khi nhà báo đăng không lấy tiền.) Cái lối công-kích này rất nguy-hiểm. Một là số báo in ra tăng lên, hai là sụt hẳn xuống. Vì đăng những bài công-kích thì được lòng hạng người này, mà mất lòng hạng người khác, đó là lẽ thường. Như năm xưa, có một nhà báo nọ đứng ra công-kích sự chế-tạo các thứ rượu mùi, mà chỉ trong vòng một tháng, nhà báo mất hẳn 100.000 độc-giả. Vì những bài ấy ra, các nhà buôn bán và chế-tạo các thứ rượu đều bảo nhau tẩy-chay không mua báo ấy nữa.

Bởi thế, các viên quản-lý phải nghĩ ra những cách làm cho báo chạy, mà ít nguy-hiểm hơn.

Như là: thưởng sách vở, đồ dùng hữu-ích cho các người mua báo dài hạn. Như báo Le Bien-Être lại hứa với các độc-giả như sau này: ai mua báo lâu năm, bất ngờ gặp tai nạn, nhà báo sẽ tư-giúp cho ít nhiều ; ai mua báo 30 năm, lúc chết nhà báo sẽ làm ma cho, và sẽ tư-giúp cho người vợ góa 100 quan. Nhưng, cái đó chẳng qua chỉ là những cái kế tạm-thời. Đến sáu tháng sau báo ấy chết vẫn hoàn chết.

Người ta lại còn nghĩ ra nhiều lối khác nữa.

Có lần người ta thấy thiên-hạ xúm quanh ở các gốc cây trong các phố Ba-lê, vì có một tờ báo giấu một số tiền ở những gốc cây đó, số tiền ấy giấu ở gốc cây nào, đã có hình vẽ ở trong báo.

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

Cũng có nhà báo lại mở ra các cuộc đố như là : đố biết 10 bực vĩ-nhân của nước Pháp là những ông nào ? hay là ông chủ nào xấu-bụng nhất thành Ba-lê ? Người nào đoán trúng trước tiên là người ấy được thưởng.

Hoặc giả cũng có nhà báo dùng những câu hỏi, đố các độc-giả, ai trả lời trúng thì được thưởng : người ta khi ngủ, nằm ngửa hơn, hay là nằm nghiêng hơn ? Ở xã-hội này có 10 nghề cần hơn hết, là những nghề gì ? Nếu ta lấy một cái vỏ trứng rồi đè ngón tay lên thì nó vỡ ra làm mấy mảnh con ? Cái lối chiêu-hàng của các nhà báo như thế kể cũng đã đủ cách rồi, nhưng còn có nhiều cách lạ-lùng hơn thế nữa.

Năm xưa báo Le Matin và báo Le Journal vốn có thù-hằn với nhau thách nhau cử người đi khắp hoàn-cầu xem người của bên nào đi mau hơn. Hai người cùng phải cử-hành trong một lúc, ở một chỗ ở Ba-lê, một người đi về phía Đông, một người đi về phía Tây, xem người nào về đến nơi trước. Hai người ấy là ông Henri Turot và ông Gaston Stiegler, đi đến mỗi chỗ lại gửi giây thép về, cho mọi người biết. Sau ông Stiegler đi tất cả mất có 63 ngày, được cuộc ; còn ông Turot gặp lúc sông Amour đang cạn nên chậm lại mất hơn 2 tuần lễ, thua cuộc.

Thiết tưởng những cách trên đây chả qua chỉ là những cách tạm-thời làm cho báo chạy một lúc, để cho đỡ túng, thật ra thì tờ báo không bao giờ vì đấy mà tăng giá-trị hoặc sống lâu thêm lên. Tiền làm quảng-cáo cho các nhà buôn, mới thật là cái tiền nó nuôi tờ báo.

Về phương-diện này, báo Pháp chịu thua kém báo Anh, Mỹ nhiều lắm, như báo New - York Hérald dầy 23 trang, mà 24 trang quảng-cáo. Một tờ báo Le Times năm 1924 được ngót 15 triệu, về tiền quảng-cáo. Thế mà cùng trong năm ấy tất cả báo-giới Pháp, tiền quảng-cáo chỉ thu được có dưới 150 triệu. Cái đó cũng không có chi lạ. Một là các nhà buôn Pháp xưa kia ít biết lợi-dụng sự làm quảng-cáo. Hai là người Hoa-kỳ và người Anh thì dùng đủ lối để làm quảng-cáo cho các nhà buôn. Gần đây, người Pháp đã chịu lưu-tâm đến việc quảng-cáo, đã chịu tìm các phương-pháp khoa-học làm cho sự quảng-cáo có hiệu-nghiệm, cho các độc-giả phải chú-ý.



Phụ-nữ Thể- Thao tại Nhật (Cl. A. N.

Ở Pháp hiện nay các nhà báo thường trông ở mục nói về các việc tài-chính tức là mục bình-phẩm về thị-giá các cổ-phần các hội buôn-bán, công-nghệ. Mục này viên chủ-nhiệm và viên chủ-bút không bao giờ nhận trách-nhiệm.

Nguyên một mục này mà năm 1919 báo Le Journal, Le Petit Journal, Le Petit Parisien thu được tới 600.000 quan của các hội buôn-bán và công-nghệ. Cái lợi ấy không phải là nhỏ, nên báo nào cũng thường có mục này.

Song, nếu các nhà buôn cổ-phần các hội không mua bán quen, chỉ bằng ở lời tán-tụng ở trong mục tài-chính ở các báo, thì nhiều khi mất cả vốn lẫn lời. Tức như năm xưa vì các báo cổ-động, người ta đổ xô nhau vào mua trái-phiếu của Nga, đến bây giờ muốn bán lại, không có người mua nữa.

Còn một khoản thu-nhập nữa. Những khoản này bất-thường mà cũng có thể gọi là phi-nghĩa. Mỗi khi nghe thấy ở nhà nào xảy ra một chuyện bí-mật, viên quản-lý liền phái ngay các phóng-viên đến «mở cuộc điều tra», rồi cố dùng những mánh khóe khôn khéo dọa nạt người khổ-chủ. Muốn cho những điều bí-mật của mình khỏi bị phô bầy ra trước cửa miệng bình-phẩm của công-chúng, người nhà có việc tất bị bắt buộc phải đem tiền mua lấy cái «im» của các tay nhà nghề ; số thu này thường không vào quỹ nhà báo, mà lại lọt vào túi viên quản-lý.

Về công-việc của ban trị-sự và nhiệm-vụ của viên quản-lý một tờ báo lớn ở Pháp, nói thế cũng đã tạm đủ. Còn cái «khóe-tinh» của con nhà nghề, tất phải nhờ ở sự lịch-luyện, ở tài thông-biến của mỗi người, không thể bút nào tả cho hết được.

Trà-sơn

Thái-độ Hội-Đồng Vạn-quốc

Hội-đồng Vạn-quốc vẫn điều-đình, giữ cho cuộc xung-đột khỏi hành-trướng mà không được. Thái-độ Nhật-bản vẫn ương-ngạnh lắm có ý muốn ra hội. Ủy-ban điều-tra của Hội-đồng Vạn-quốc đã đáp tầu Paris sang Viễn-đông. Trung-hoa yêu-cầu H.Đ.V.Q. họp lần nữa. Ban-trị-sự do ông Paul Boncour chủ-tịch vừa họp ở Genève định rằng không thể bác đơn thỉnh-cầu của Tàu được. Vậy nay mai sẽ có một phiên hội - đồng bất - thường của H. Đ. V. Q.

Phần tỏ trách-nhiệm cuộc chiến-tranh này, sứ-đoàn Tàu nói quyết rằng : từ nay Tàu sẽ dùng đủ phương-pháp giữ cho Nhật không xâm lấn được.

DANH - NHÂN DẬT - SỰ

MỘT CÁI KHỔ - TÂM CỦA CON NHÀ NGHỀ

Bản kịch «Trưởng-giả học làm sang» (Le Bourgeois Gentilhomme) diễn lần đau ở đại Chambord, vào hồi tháng mười năm 1670. Chưa từng bao giờ một bản kịch bị thất bại như thế và trong các bản kịch của ông Moliere, không bản nào làm cho ông buồn bực như bản này. Bữa giạ yến tối hôm ấy, vua Lỗ-ý không dả-động một cau gì đến bản kịch ấy cả. Thấy vậy, các cận-thần cũng hùa nhau vào bài-bác, chỉ còn kém một việc là xe tan vở kịch thành ra từng mảnh nữa thôi.

Cách năm hôm sau, vở kịch ấy mới lại được khai-diễn lần thứ hai. Trong năm hôm giời ấy ông Molière buồn-bực phẫn-uất, không thò mặt ra ngoài cửa buồng.

Lủi-thủi một mình trong căn buồng-áp mái, ông Molière ngồi lù khù trên chiếc ghế bành, một cái chăn phủ hai đầu gối. Không bao giờ ông thấy thì-giờ dài đằng-đẵng bằng hôm ấy! Bấy giờ đương giữa tháng mười, giời rét. Dưới bầu giời u-ám, rừng Chambord trông ra vẻ âu-sầu ảm-đạm. Những trận gió thổi ù-ù qua các ống khói bằng đá trạm, làm cho cảnh vật thêm vẻ đìu-hiu. Không muốn xuống ăn ở bàn các người con hát, ông sai người đem lên cho một cốc sữa.

Giữa lúc ấy, ông đương ngồi một mình buồn-rầu tức-bực, thì người bạn gái già là cô Cathérine de Brie từ ngoài cửa bước vào. Trông thấy, ông cất tiếng thở-than :

— Chà, cô đấy a? Cô Cathérine đáng thương của ta ơi, cô tử-tế với ta quá! . . . Nhưng sao Armande (Bà vợ ông) không đến?

— Vì bà ấy giận ông.

— Sao vậy ? Vì tôi không được sung-sướng có phải không? Tôi biết mụ ấy rồi.

— Vả, cũng bởi trong vở kịch, ông lại mượn miệng Cồ-Viên, mà bảo rằng: bà ấy mồm rộng và ti-hí mắt lươn.

— Nhưng nhờ có mấy lời tán khéo của Cơ-lê-ông mụ ấy đã ưng thế rồi kia mà.

— Ấy thế mà bây giờ bà ấy lại không ưng thế nữa.

— Cái đó lỗi tôi thật. Đáng lẽ mình đắc thắng mới phải... Nhưng này, Cathérine, trong vở kịch khốn nạn ấy, có gì đáng làm cho chúng nó (các nịnh-thần) không hài lòng? Hay vì cái vai quý-phái sỏ siên dudừng ấy chăng? Nhưng, nói đáng tội, phần nhiều chúng nó bẩm-sinh như thế cả. Tôi biết chúng nó lắm chứ! Mọi lần trước, Hoàng-Thượng thấy tôi vạch những điều ẩn-bí của chúng thì lấy làm đắc-ý lắm. . . Lần này, Ngài không hé môi nói một nhời. Hay cả đến ngài nữa, cũng có điều gì làm cho ngài bất-bình chăng? Vì Ngài, tôi đã làm biết bao là công việc. . . mà đáng lẽ tôi không nên. . . Thật là một vị Hoàng-Đế lúc nào muốn nhân-từ thì rõ ra nhân-từ, mà kỳ trung rất là ác-nghiệt. . . Nhưng này, Cathérine, nhà tôi nó làm gì ở nhà thế?

— Nào tôi có biết đâu.

— Hẳn hắn đương trò chuyện với thằng Guiches thì phải.

— Chàng Guiches đi vắng kia mà.

— Hay thằng Baron?

— Tôi chắc chả có thế.

— Chao ôi! Cái thằng Baron mà tôi đã cứu vớt ở đâu ra, chắc cô cũng biết đấy, cái thằng Baron mà tay tôi đã đào-tạo nên, cái thằng Baron mà tôi coi như con đẻ ra, ấy chính cái thằng ấy lại là nhân-tình vợ tôi . . . . . hay rồi nay mai nó cũng đóng vai ấy, tôi chắc thế.

Nói xong, ông Molière lấy hai tay bưng mặt, cô Cathérine de Brie đoán ngay là ông khóc, liền nói rằng:

— Ơ hay! cái nghề mình cốt làm cho người ta cười, mà nay tự mình lại khóc, thế chả tức cười lắm ư?

— Phải, làm cho chúng cười rồi để chúng phang cho mấy gậy hay đưa cập móng-giò vào đ. . . . . cái nghề ấy thảm độc lắm, con ạ. Thế mà họ còn bảo rằng: ta vì bám bả vinh - hoa nên mới chuốc lấy cái nghề ấy! . . . Bề ngoài trông ra, chúng ta vẫn được các bậc vương-hầu đón đưa chiều chuộng. Nhưng họ chiều chuộng mình, là để bắt mình phải phục - tùng những cái khoái-lạc của họ, mà làm nô-lệ cho những điều ưa muốn bất-thường của hạng người ấy, thì còn gì đáng thương đáng buồn hơn! Có tiền thì cái thằng mạt hạng nhất đời cũng dịch-xử được mình. Thế gian họ coi mình là hạng người thùa mà khinh bỉ mình. Ốm đau hay mạnh khỏe cũng mặc, bao giờ cũng phải trực sẵn để ứng-mệnh họ, cũng phải trực sẵn để làm cho người vui-thú, mà chính mình, thì nhiều khi trong lòng chứa chất những nỗi sầu-bi.

—Rõ truyện, có phải ngày nào cũng thế đâu. Vả chăng, ai thì không nói, chứ tôi, thì tôi dám quyết với ông rằng: đối với các hạng vương-hầu, không bao giờ tôi đóng vai nô-lệ, mà có khi chính họ, họ lại đóng trò cho tôi coi.

Nhưng trong lòng ông Molière lúc bấy giờ, hình như bao nhiêu những nỗi cay đắng ở đâu dồn lại cả. Ông nói:

—Cô xem đấy, xuốt đời, tôi có biết cái gì là sung-sướng bao giờ. Tôi có thể thổ-lộ hết cả với cô được có phải không? Tôi biết cô đã hai mươi năm rồi. Tôi gặp cô ở Lyon, đồng-thời với con Marquise là một con phường xiếc nhãi-ranh, con gái một thằng làm trò quỷ-thuật. Ấy lại con ấy nữa, nó cũng lừa tôi, nó lừa tôi để đi với thằng oắt Racine.. Không, tôi thật không sung-sướng bao giờ. Từ năm mười một tuổi, đã bồ côi mẹ, rồ; lọt vào tay một bà mẹ ghẻ..... Ông cha tôi thì cho tôi theo đòi sự giáo-dục của hạng quý tộc. Cái cách giáo dục ấy mới ích lợi cho tôi làm sao! Vì đấy mà những cảnh cùng quẫn, những sự khinh bỉ rẻ rúng mà tôi đã nếm trải trong khi lang-thang nơi này nơi khác trong mười hai năm giời càng thấy thêm màu cay đắng.

—Thôi, lúc bấy giờ mình còn trai trẻ.

—Phải, tôi cũng biết một người đàn bà có nhan sắc không thể nào bị người ta khinh được, nhưng tôi, tôi đã chịu biết bao nỗi đau đớn vì bị chúng khinh. Đến bây giờ tuy tôi đã khinh giả lại chúng mà giả lại một cách cố nhiên, một cách có phần quá lạm, mà cái vết đau ấy cũng vẫn còn.., . Rồi đến lượt cái cuộc nhân-duyên thê-thảm của tôi,..

—Cái cuộc nhân-duyên ấy thoạt-tiên cũng thú-vị lắm chứ! Anh Jean Baptiste ạ. . .

—Chị tưởng thế à? Cái lạc-thú ấy hoặc có chăng nữa, tôi cũng quên bẵng đi rồi, trong trái tim này, đến nay chỉ còn những vết-thương của con dao tình để lại. . .Này, tôi hỏi thật chị nhé, chị có tin rằng: con vợ tôi nó yêu thằng nhãi Baron ấy không?

—Tôi chả-tin một chút nào cả.

—Vậy mà tôi, thì tôi, chắc lắm... Thôi, tất cả chúng nó thì-thầm với nhau thế nào, tôi biết cả.

Tất cả chúng nó là ai?

Đấy ! những thằng quỷ phái, những mụ ở trong Triều, có lẽ cả Hoàng-thượng nữa. . . Tôi dám đánh cuộc với chị, chắc họ thì-thào với nhau rằng: thật là một điều lạ, một điều hiếm có mà có, lẽ là một điều quả-báo, cho nên cái thằng ở trên sàn-khấu, hay chế giễu nhất những anh chồng bị quỵch, lại là cái thằng chồng bị quỵch nhất ở trong nước Pháp này.

—Thôi đi anh, đừng giở cái kiêu ngạo khờ dại ấy ra nữa.

—Lại nói đến cái bản-kịch khốn nạn ấy, chị có biết rồi chúng nó còn bình-phẩm thế nào nữa không? Tôi dám chắc có, hình như chính tai nghe thấy rồi vậy. Bởi vì tôi thích sự phù-hoa, thích mặc áo đẹp thích dùng đồ tốt, vả, tuy xuất thân là con hát, tôi lại muốn tự-phụng ra vẻ trang-nhã, nên tôi chắc, ngay lúc này, đã có thằng nào độc miệng đương khảo nhau rằng: chính anh chàng viết ra vở «Trưởng-giả học làm sang» vẫn tự mình diễn vở kịch «thằng hề học làm quý-phái» mà không biết.

—Anh tưởng chúng nó có đủ tài lém mà nói được câu ấy ư?

— Chúng nó sẽ có đủ tài để làm cho tôi đau đớn trong lòng... Tôi thề với chị rằng, đương lúc này, chúng nó đã bàn soạn để tìm cách cho con Armande và thằng Baron có dịp mà trò chuyện lơi lả với nhau.., Vả chăng, thật tình ra, thì con vợ tôi và thằng học trò tôi còn kiêng nể gì mà chúng nó chả tự do? Có phải trong một đời tôi, tôi có kiêng nể gì ai đâu? Có phải từ xưa đến nay, tôi vẫn hành-động tùy ý sở thích của mình không? Cathérine ạ, chị hẳn còn nhớ trong khi chúng mình còn gánh hòm đi hát đám, thì cái tình-cảnh hý-kịch của ta lúc bấy giờ còn mách-qué (chienerie) như thế nào?... Năm 18 tuổi, tôi không có một chút tín-ngưỡng nào cả, tôi là một thằng vô-đạo, ấy cũng nhờ ở các bài học của thầy giáo Gassendi, vì thầy có ngờ đâu cái cách tôi hiểu biết những bài học của thầy... Cũng vì thế nên bây giờ, linh-hồn tôi rỗng tuếch không có một tý gì là hy-vọng... Nếu tôi được mạnh mẽ thì còn nói gì! Nhưng tôi lại cứ ốm yếu luôn, ngày chỉ cầm hơi vài cốc sữa... Tuy vậy, tôi vẫn muốn sống... sống khổ sống sở... Ấy đấy, Cathérine ạ, tính sợ chết... và tính nhục-dục, công việc đời ta rốt cục lại có thế đấy thôi.

— Đừng nói thế, anh Jean Baptiste, anh phải biết rằng tôi là người có đạo.

— Giữ lấy đạo của ngươi. con ạ... Nhưng ta...

Nói đến đấy, ông giơ tay ra đáng rất mực buồn rầu.

Giữa lúc ấy, chàng Baron bước vào trong buồng, mặt-mày hớn hở. Ông Molière hỏi:

— Hè, có tin gì lạ không?

— Thưa thầy, có mà rất đáng mừng. Hoàng-thượng đã ban truyền rồi.

— Ngài phán gì?

— Ngài phán rằng nội trong các vở kịch tay thầy thảo ra, chưa có vở nào đã làm cho ngài vui lòng bằng vở «Trưởng giả học làm sang».

— Nhưng sao ngài không phán ngay ?

—Có lẽ để thưởng thích cái thái-độ di-du luống-cuống của tụi nịnh-thần, nên ngài vừa ra lệnh cho diễn lại vở ấy tối hôm nay.

Nét mặt đương ủ-rũ bỗng biến hẳn ra tươi-cười vui-vẻ, ông Molière từ từ bảo chàng Baron rằng:

— Con ơi, con thật đã vì ta cải tử hoàn sinh !

Mai-khê *thuật*

Ngài nào muốn buôn
Ngài nào muốn bán
Ngài nào muốn dùng
Ngài nào muốn giúp

NỘI-HÓA

XIN ĐẾN

QUANG-VAN-THÀNH

Hiệu buôn toàn Nội-Hóa
Mở năm Bính-Dần 1926
120, phố Bonnal 120
Haiphong

Có bán trẻ « *Việt-Nam* », sà phòng « *Rồng-Nam* » v. v. . .

RỞ VỘI MẤY TRANG SỬ-KÝ

Nội-các mới nước Nhật là nội-các bảo-thủ...

Nội-các cũ nước Nhật, thuộc phái tự-do, chiếm đại-đa-số trong Nghị-Viện mà bị đổ, Nội-các Khuyển-Dưỡng-Nghị (Inakai) thuộc phái bảo-thủ thành-lập, sau một thời-kỳ rất khó-khăn, cho nên Nội-các này đứng được yên, lẽ tất-nhiên Nghị-Viện phải giải-tán.

Nội-các cũ bị chất-vấn về bao nhiêu khoản tày trời: Mặt Ngoại-giao thì nhu-nhược không biết giữ quyền-lợi cho nước, nào đối với Hội-Nghị Hải-quân ở Luân-Đôn, nào đối với cuộc xung-đột ở Mông-Mẫn. Lại trước việc can-thiệp vô-nghĩa-lý của Hội-Đồng Vạn-Quốc, nước Nhật ở Paris chỉ là cái bung-xung chịu đạn, — quá ư hiền-lành!

Mặt Nội-trị thì kém hèn, không đủ phương-pháp ngăn-ngừa nạn kinh-tế, lại có ý mặc cho chi-khoản trong ngân-sách tăng lên. Ông Inoué có hiến một bản chương-trình, nhưng bản chương-trình ấy lại càng dở nữa: có việc vô hiệu-quả (như việc sát-nhập bộ Thương-mại vào bộ Kỹ-nghệ), có việc không thể thực-hành được (như việc bỏ bộ Thuộc-Địa), có việc hại cho sự quốc-phòng (như việc bớt binh-phí, bớt tàu phá-lũy, tàu bay v. v....)

Đã thế, các viên-chức trong Nội-các, lại người này từ-chức, người kia bất-hòa. Sau ngày bị nạn (1), Thủ-tướng Homaguchi ốm liệt giường luôn mấy tháng, phải nhường ghế cho Nam-tước Wakatsuki. Sang tháng chín, thượng-thư bộ Hỏa-xa là Dr Egi từ-chức, để ông Kara thượng-thư bộ Thuộc-Địa sang thay. Nhưng thượng-thư bộ Nội-vụ là ông Adatchi phản-đối sự hỗn-độn nầy, xin để cho xong kỳ bảo-cử hãy bàn đến sự tiết-kiệm trong chính-trị. Muốn vậy, ông « bẩy » ngay ông thứ-trưởng Ushio về Nguyên-Lão Nghị viện và lấy người cùng cánh là ông Tsugita kế chân. Nhưng việc ông làm chỉ là công dã-tràng, lúc đấu-phiếu phái phản-đối vẫn thắng số.

Thêm vào cơ nguy nan ấy, sảy ngay ra việc tiền Anh hạ giá, làm hạ giá cả tiền vàng nước Nhật, phong-trào phản-đối Nội-các lại càng sôn-sao, đến nỗi chính ông Adatchi phải công nhận rằng cần phải có một Nội-các hợp hết các chính-đảng. Cũng vì thế mà Nội-các Dân-hữu từ-chức.

Nhưng các ông lãnh-tụ các đảng lại không thèm cộng-tác với Chính-phủ. Thành thử Nhật-Hoàng phải quay về phái Chính-Hữu, ủy việc tổ-chức Nội-các cho ông *Khuyển dưỡng-Nghị*.

Khuyển-dưỡng-Nghị là một nhà danh-vọng trên quần-đảo Nhật, năm nay đã 73. Sinh ở Okoyama năm 1855, ông đã dự vào việc Chính-trị ngay từ hồi niên-thiếu: chủ-bút nhật báo Hochi, nghị-viên, thượng-thư, rồi lãnh-tụ phái Kakushin Club - phái này sát-nhập vào đảng Chính-Hữu năm 1925.

Ghế Ngoại-giao trong Nội-các mới để dành cho con rể ông là Yoshizawa ở Paris về, ông này trước đã làm lãnh-sự Nhật ở Bắc-kinh nên hiểu rõ tình-hình Viễn-Đông lắm.

Tài-chính bộ Tổng-trưởng, ông K. Fakahashi, là anh Thủ-Tướng, vốn đã thạo nghề lắm, đã trải bao nhiêu năm tổng lý việc ngân-hàng và đã làm tài-chính Tổng-Trưởng. Năm 1924, ông mới từ chính-giới vào Nguyên-Lão Nghị-viện và làm lãnh-tụ đảng Chính-Hữu này.

Đến Thượng-thư bộ Nội-vụ là ông Naka Hashi cũng đã từng phen ngồi ghế trong Nội-các ông vào chính-giới đã hơn 14 năm rồi. Tóm lại các viên-chức trong Nội-các mới này đều là những tay danh-vọng, bạc đầu, rỗ gót trên con đường chính-trị cả.

Lấy tư-cách nhà lãnh-tụ đảng Chính-Hữu ông Khuyển-dưỡng-Nghị thường phô-diễn chương-trình của đảng mình. Ông muốn yêu-cầu cho được rộng quyền địa-phương tự-trị và bớt các chi-khoản của nhà nước. Cứ theo chương-trình năm năm của Đảng thì cả mặt chính-trị lẫn mặt tài-chính tất có một cuộc hoán-cải rất to, các độc-quyền sẽ bãi bỏ hết, các thuế má sẽ dảm bớt đi; nhờ đó, kỹ-nghệ trong nước sẽ được dễ thở hơn trước. Còn ở mặt trường ngoại-giao, Thủ-tướng nước Nhật vẫn hứa với quốc-dân xin nắm chắc quyền-lợi Nhật ở Trung-hoa và ở Mông-Mẫn . . . . . .

(1) ông suýt bị ám-sát.

...mà ở Nam-Kinh thì người tả-đảng cầm quyền

Chính-phủ Tàu ở Nam-kinh vốn vẫn ở dưới quyền kiểm-soát của Quốc-Dân-Đảng, Đảng Quốc-Dân lập lên bởi mấy tay thiếu-niên dưới đời Mãn-Thanh sau kỳ Trung Nhật đại-chiến năm 1894-1895 (ngày đó Tàu bị đại bại). Tôn-Dật-Tiên chính là một tay sáng-lập, phải bỏ nước xuất-dương, khi sang Mỹ, khi sang Nhật, lênh-đênh hải-ngoại mười mấy năm trời, đến năm 1911 mới cùng đồng-chí đạp đổ được chính-phủ. Từ đó, Quốc-Dân-Đảng lên cầm-quyền.

Năm 1918, Quốc-Dân-Đảng phản-đối Chính-phủ Bắc-kinh, 7 đại biểu 7 tỉnh miền Nam họp thành Chính-phủ biệt-lập ở Quảng-đông, ông Tôn Dật-Tiên một lòng vì nước vì dân, được quốc-dân tôn-sùng lắm.

Nhưng chẳng bao lâu, phong-trào Cộng-sản đã lan đến, do mấy tay du-học-sinh ở Moscou đem hạt giống về. Lại năm 1923, chính Tôn-Văn cũng cầu người Nga chỉnh-đốn hộ binh-nhung và chính-thể.

Bởi vậy, chính-sách Quốc-Dân-đảng đã phác theo quy-củ Cộng-sản ít nhiều.

Năm 1925, ông Tôn-Văn thác ! Quốc-Dân-Đảng bắt đầu lục-đục, phái Cộng-sản và phái Phản-cộng sô-sát nhau. Hồ-hán-Dân lúc ấy làm lãnh-tụ, vì một tờ tuyên-ngôn có ý bênh Cộng-sản mà kết cục phải trốn biệt sang Moscou.

Chính lúc này, Tưởng-giới-Thạch xuất thế. Tưởng đã khéo rút mình ra ngoài cánh Cộng, gây lên phong-trào phản-cộng, rồi sau hết dùng ngay binh-lực «tẩy» hẳn Cộng-sản ra ngoài chương-trình đảng Quốc-Dân. Năm 1927, Đảng đã chục-xuất Tưởng một độ, nhưng lại triệu về ngay. Tưởng về, Tưởng tìm đường trừ luôn ngay các đảng-viên cộng-sản, dẹp tan các ông «sứ-quân», một tay cầm quyền cai trị gần khắp phía nam nước Tàu, suốt từ sông Hoàng-hà trở lại. Tưởng lại liên-kết với Trương-học-Lương (con Trương-tác-Lâm) lúc ấy đương ung dung cầm quyền xứ Bắc và Mãn châu. Nước Tàu lúc ấy đã gần được hợp-nhất. Nhưng... nhưng ở Quảng-Đông bỗng có phái phản Tưởng, con ông Tôn-Văn cũng ở trong phái đó, thành thử chính-giới nước Tàu lại chia rẽ lung-tung.....

Giữa lúc ấy sảy ra việc Mông, Mãn. Người Nhật nhất-quyết sàm-chiếm, Hội-đồng Vạn-quốc đánh bài «*vờ*». Nước Tàu mới tỉnh-ngộ, mới hợp-nhất rồi chánh-phủ Nam-Kinh thành-lập hẳn, rồi hội-nghị Quốc-gia nhóm thành.... ngày 2 Novembre, Tưởng-giới-Thạch tuyên-ngôn từ-chức Tổng tư-Lệnh. Phái Cấp-tiến trong Quốc-Dân-Đảng lên cầm-quyền, lại cộng-tác với người Nga.

Em vợ Tưởng là Tống Tử-Văn từ bộ Tài-chính; Cố Duy-Quân cũng đã từ bỏ ngoại-giao, nhường ghế cho Trần-Hữu-Nhân thuộc phái cực-tả.

Vậy, hiện nay, đại thể nước Tàu chia ba chân vạc: 1) Tả phái Quốc-Dân-Đảng ở Nam-Kinh cai-trị miền Nam 2) Trương-học-Lương ở Bắc-Kinh chiếm-cứ xứ Bắc; và 3) Trương-Cảnh-Hồ làm Tổng-đốc châu Mãn, do người Nhật cầm cương.

Đ.H.H.

LƯ-THOA TỰ THUẬT

Dịch lịch-sử của ông Lư-thoa, tự ông viết ra :
Les confessions de J.J. Rousseau »

(*tiếp theo*)

Tôi sở-dĩ về sau này yêu âm-nhạc, mê âm-nhạc, chắc là vì chịu ảnh-hưởng của cô tôi. Cô tôi thuộc nhiều câu hát, nhiều điệu hát, cô tôi lại có giọng êm-ái, mỗi khi hát nghe rất có hứng-vị. Cô tôi không biết cái gì là cái lo sầu bông-lông vơ-vẩn; tấm lòng cô tôi phẳng-lặng như tờ, cho nên ai ở gần cô tôi cũng phải quên những nỗi lo sầu. Những câu hát của cô tôi đối với tôi đã in sâu trong tấm cảm-tình, đến nỗi mãi về sau, chẳng những lúc tôi đã nhớn, nhiều câu hát ấy vẫn còn ghi trong trí nhớ, mà đến nay, tuổi đã già, trí nhớ đã như mất, nhiều câu hát kia vẫn còn phảng-phất hiện ra trong ký-ức, những cái hồi-tưởng bất-kỳ trong ký-ức như vậy, êm-ái thay, tôi không sao tả hết mối cảm của tôi được. Có ai ngờ rằng tôi đây đã già lẫn-cẫn như thế này, đã có trăm sợ nghìn lo, như đánh như rũa, như cắt như mài, thế mà thốt nhiên có lúc cất tiếng phì-phào run-run lầm-nhầm ngâm-nga mấy câu hát ấy, là lại lụy rơi chan-chứa, khóc nức-nở như đứa trẻ thơ.— Có một câu hát, điệu thì tôi nhớ nguyên cả mà câu thì chỉ có một nửa là nhớ, còn cái nửa kia làm thế nào cũng không nghĩ ra được, dẫu đã có vần mà cũng vẫn không sao nhớ lại được cả câu. Đây câu đầu và mấy câu sau mà tôi còn nhớ thì như thế này:

«Tiếng tiêu đâu khéo dạt-dìu,
Gốc cây đứng thổi như chiều gọi ai.
Ai ơi! có biết cho ai,
Muốn tìm ai lại sợ người lăn-bang.
Lăn-bang chẻ thiếp với chàng,
Ràng dâu, rằng tộc... đoạn-trường lắm thay!

Rồi lại có những chữ «*gã mục-đồng*», chữ «*thề-nguyền*», chữ «*nguy-hiểm*», và một câu rằng:

«Nếm mùi tình có sợ cay?
Tìm hoa hồng, có biết gai trên cành?»

Bây giờ tôi ngồi nghĩ xét xem do đâu mà cái câu hát ấy gây cho tôi một mối cảm đến như thế: cái cảm không có lý ấy, tôi không hiểu là vì đâu, nhưng thật tôi không thể sao hát câu ấy cho hết mà không thủy-lệ cho đến phải nghẹn nhời ngừng lại. Đã bao phen tôi định viết thư về Ba-lê hỏi mua hay nhờ người tìm kiếm cậu hát ấy cho trọn bài, hoặc giả còn có người nào bây giờ vẫn còn biết đến bài hát cũ-kỹ ấy. — Nhưng tôi chắc hẳn là tôi yêu câu hát ấy chỉ vì cô Thúy-Dung của tôi vẫn hát câu ấy, trong cái cuộc đời vất-vả, nếu tôi biết rõ rằng ngoài cô Thúy-Dung tôi, cũng có nhiều người trước vẫn ca khúc ấy, thì có nhẽ cái tứ của tôi những khi nhớ lại câu ca ấy, sẽ giảm bớt nhiều.

Tôi vào trong cuộc đời những sự yêu-mến trước đầu là thế đó. Nhân đấy mà bắt đầu tự rèn-đúc nên một tấm lòng vừa khẳng-khái nhưng lại vừa đa-tình, một nết người vừa đa-cảm như đàn-bà, nhưng vừa cương-cường rất mực, rồi khi thì nhu-nhược quá, khi thì bạo-dạn quá, khi thì mải vui quên hết mọi việc, khi thì hăng-hái vì thế-đạo, rút lại xuốt đời tự mình thường có khi như là lại phản lại mình, mà do cái chỗ ấy hóa ra tu không ra tu, mà chẳng tu cũng không được là chẳng tu, cái khôn không đến mình mà cái xưởng ở đời cũng không đến mình.

Nguyễn tiến-Lãng *dịch thuật*

(còn nữa)

VĂN-ĐÀN

TẢN-VĂN

Giá-trị của sự chết

Người ta có sống thời có chết, chết nghĩa là hết sống. Nếu sự sống đã kể là có giá-trị, thời sự chết cũng là có giá-trị. Giá-trị của sự sống bao nhiêu, giá-trị của sự chết tức cũng bấy nhiêu. Sách Trang-Chu có nói rằng : «*Giời đất chở ta bằng cái hình, làm nhọc ta bằng cái sự sống, cho ta nhàn bằng cái sự già, cho ta nghỉ bằng cái sự chết*»

Lời nói đó cũng đã hiểu đến cái giá-trị của sự chết vậy.

Con người ta đã chót sinh ra đời, dẫu có oán giời nữa cũng không được. Đã như thế, nếu cứ phải sống mãi mà không bao giờ được chết, thời sự phải chịu nhọc biết bao giờ cho được thôi? Cho nên Tạo-vật chí nhân, đã chót cho người ta sống, phải cho người ta chết ; cũng chí công, đã cho ai nấy sống, đều cho ai nấy chết. Cho nên người ta ở trong đời, ai cũng được có một phần sống, được có một phần chết, hưởng-thụ hết cái sống thời hưởng đến cái chết vậy. Phần sống của mọi người, dài ngắn hơn kém nhau có xa ; phần chết của mọi người, dài ngắn hơn kém nhau không mấy. Phần sống của mọi người, so với phần chết đều dài hơn; phần chết của mọi người so với phần sống đều ngắn. Xem thế lại đủ biết cái giá-trị của sự chết, có phần quí hơn sự sống vậy.

Chúng sinh cùng sống ở trong đời, tức như một đàn trẻ con cùng ăn cơm với nhau. Tạo-hóa thời là bà mẹ trông coi cho chúng ăn cơm đó. Bà mẹ ấy bảo các con rằng: « *Các con, đứa nào đứa ấy, hãy cứ cùng ăn cho no ; dù hoặc có chỗ không được công, thế nào mẹ cũng để cho mỗi đứa một miếng rò để ăn trót trọng khi đứng dậy* » Miếng rò đó là gì? tức là sự chết của Giời cho khắp cả mọi người vậy. Nghĩ như thế, thời càng biết cái giá-trị của sự chết, quí-trọng là nhường bao!

Sự chết có giá-trị quí-trọng như thế, thời sự hưởng-thụ tất là có thú-vị đặc-biệt. Vậy mà sao có phần nhiều người thường như cứ sợ chết? Như vậy chẳng là chúng-sinh dại lắm ru?

Bảo rằng « dại » không phải ; chỉ là trong chúng-sinh phần nhiều có kẻ *nhát*. Nguyên sự chết đã như miếng rò, mà như miếng rò nóng. Nghĩa là cái miếng ăn ngon như thế, Giời không muốn cho chúng bỏ lỏm vào mồm mà nuốt ngay ; cho nên hơi làm nóng một chút, khiến cho chúng vừa xuýt-xoa vừa ăn, có thế mới nhận biết cái vị ngon quí. Lại vì trong chúng-sinh, tính-căn không đều nhau, có kẻ táo-bạo, có kẻ nhút-nhát ; có kẻ nhút-nhát nhiều, có kẻ nhút-nhát ít. Cho nên trong sự chết, Tạo-hóa bất-đắc-dĩ mà lại phải chia ra làm ba hạng, hơi có khác nhau : một là mượn sự tật bệnh hoặc tai nạn bất-kỳ mà làm cho kẻ ấy được chết ; hai là mượn ở tay kẻ ấy mà làm cho kẻ ấy được chết; ba là muợn ở cái tay kẻ khác mà làm cho kẻ ấy được chết. Ba sự chết đó tuy có khác nhau, mà đều phải có qua một lần thống-khổ. Sự thống-khổ đó ít hay nhiều, tức như miếng rò kia nóng vừa hay nóng lắm. Cho nên phần nhiều người sợ chết không phải là sợ ở cái chết, mà sợ ở cái lúc được chết, tức là sợ ở cái thống-khổ. Chính cũng như kẻ sợ rò, không phải sợ ở miếng rò, mà sợ ở cái lúc ăn rò, tức là sợ ở cái sự nóng. Vậy thời chỉ là trong chúng-sinh có nhiều kẻ nhát, cho nên nhân sợ sự thống-khổ mà sợ lây cả đến sự chết, cũng như kẻ được ăn rò, nhân sợ nóng mà sợ cả miếng rò vậy.

Cứ cái lòng sợ chết của chúng-sinh như thế, nếu Tạo-hóa không thật là chí công, chí nhân và thêm có cái đức cương-kiện, thời có khi vì chúng sợ chết, mà không cho có kẻ được chết. Song mà Tạo-vật không như thế, cho nên mới gọi là Thiên-công.

Đấng Thiên-công đã cho khắp mọi người đều được có một sự chết là cái phần quí-trọng, là cái phần hưởng-thụ có thú-vị hơn nhất trong đời người, thời phàm cùng là người với nhau, dù kẻ nào có ghét kẻ nào đến đâu, cũng không thể cấm không cho nó được chết. Đó thực là cái ơn riêng của Thiên-công, cái quyền riêng của Tạo-vật, nghĩ chẳng là một vật có giá-trị hơn hết trong đời người ta ru?

Nay chúng ta đã đều biết trước rằng ; mọi người trong chúng ta đều có một phần hưởng-thụ ấy, mà không thể có kẻ nào cướp mất của ta được, thời trong khi còn đương hưởng-thụ cái sự sống, chúng ta hãy cứ nên để dành nó ở một bên. Khi nào sự sống của ta hưởng-thu đã thấy vừa, thời cái phần có giá-trị quí hơn kia, Thiên-công sẽ bảo cho mà hưởng-thu. Nhân vậy, có mấy câu cảm tưởng về sự sống chết, viết ra như dưới; ai là người đương sống mà cũng sẽ có chết, thử cùng nghe chơi :

Trăm năm cõi tục còn dài,
Con đường vô-hạn trên đời còn xa.
Núi non, giăng cũng chưa già !
Đầu ai tóc bạc vẫn là xuân xanh !
Giang sơn còn nặng gánh tinh.
Giời chưa cho nghỉ thời mình cứ đi.
Bao giờ Giời bảo thôi đi,
Giang san cất gánh, ta thì nghỉ ngơi:
Nợ đời là thế, ai ơi.
Khách tình nhẫn-nhủ trong đời biết qua,
Có ai là kẻ cùng ta ?

Tản-Đà

THƠ

Vịnh cô Tiểu

(Con một vị Bố-chính
vì tình duyên chắc trở đi tu.)

Giọt nước cành dương tưới lửa duyên.
Tam qui ngũ đới phận thuyền quyên.
Bể trần chìm nổi liều thân thế ;
Hương sớm hoa hôm giở sắc Thuyền

Phương-lang Mai-Thanh-Hồng
(Hải-dương)

Chơi cảnh Sầm-sơn

Vui chân lên đỉnh non Sầm,
Vời trông giời bể muôn tầm xa xa.
Nước non vẫn nước non nhà,
Chút tình non nước ai mà nước non?

HƯƠNG-TRÌ

Đến thăm Loa-thành lần thứ hai

Dắt díu anh em bạn mấy người,
Loa-thành lại đến rạo quanh chơi.
Đường lông ngỗng cũ còn đâu nữa,
No móng rùa xưa cũng mất rồi.
Tiếng quốc đêm hè văng vẳng gọi,
Mảnh giăng giếng ngọc tỏ mờ soi.
Một tòa cổ miếu ngay ngà đó,
Dâu bể bao phen đã đổi rời.

HƯƠNG-TRÌ

Nỗi đời

Giời làm chi lắm cảnh cheo-leo,
Thấy cảnh trần-ai những chán phèo.
Lạnh-lẽo dân tình cơn gió táp,
Rầm-rĩa thế-lộ trận mưa reo.
Ấm thân nghĩ đến người run rét,
No giạ thương thay kẻ đói nghèo.
Nếu biết đường giời lên hỏi được,
Cho cao mấy mấy cũng thang chèo.

Lê-cấm-Hoàng
(Vinh)

CÂU HÁT TẠP

Tát ao

Bên kia cái ao,
Bên nọ cái ao.
Cái ao bên nọ tát vào bên kia.
Chưa thấy con riếc,
Chẳng thấy con chê,
Nhìn trông chỗ tát lẻ-bẻ những bèo.

Tản Đà

THƠ DỊCH

Thơ khai bút

Vi thường nhất nhật bế mao trùy.
Tân tuế hà khai sở bất tri.
Vạn sự quả năng dai cú đắc,
Ngã ưng liên bích mãn đề thi.

Dịch :

Bút chưa từng thắp một ngày nào,
Khai bút đầu năm bởi nhẽ sao ?
Câu ước ví chăng muôn sự ứng,
Tường ta ta viết khắp thơ vào.

Ngọc-sơn

BĂNG-HỒ HÀN-VẬN

(*Tập thơ của các bậc hiền nữ*)

Người xưa nói rằng : « *Thi ngôn chí* », nghĩa là làm thơ là để giải tỏ cái chí mình. Cho nên tư-tưởng người ta làm sao thì phát ra lời thơ làm vậy. Trong tập thơ này toàn là lời các bậc hiếu-nữ hiền-phụ thuở xưa. Lời thơ hoặc trong vắt như tiếng vượn lưng giời ; hoặc véo von như tiếng hạc đầu núi ; hoặc tỉ-tê như tiếng đế kêu nguyệt ; hoặc khoắc-khoải như tiếng quốc gọi hè ; tả được hết cõi lòng của người xưa. Xem đó mà có thể tưởng biết được tiết-tháo, phẩm-hạnh của cổ-nhân cao-thượng, trong sạch là dường nào ! Thật là một tấm « *gương đức-dục* » cho khách thoa-quần vậy. Tiếc rằng lời dịch non-nớt không lột được hết tinh-thần của nguyên-văn.

Dịch-giả cẩn chí

1 — *Vệ-cầm-Nương* người Thiên-Thai, gặp loạn bị giặc bắt, giữ tiết không chịu nhục. Đi đến chùa Cam-Lộ, lấy than viết tiểu-tự lên vách và đề hai bài thơ tuyệt-mạnh.

Bài thứ nhất

Y phiến bài phong bán ủy nê,
Linh-đinh bạt-thiệp tổng phi nghi.
Kỷ hồi gia quốc đê đầu ức,
Vạn khổ thiên tân thục cá tri ?

Dịch-nghĩa

Áo giày bê bết những bùn lầy,
Chìm nổi lênh-đênh bước chẳng may.
Ngồi ngẫn luống lo nhà với nước,
Nghìn cay muôn đắng có ai hay !

Bài thứ hai

Mục đoạn Thiên-Thai lữ nhạn trường,
Xuân sơn lục thủy hận mang mang.
Bất tri tiêu-tụy trung đồ tử,
Hồn-mộng hà thời phản cố-hương.

Dịch nghĩa

I

Thiên-Thai mỏi mắt nhạn bay xa,
Nước biếc non xanh những xót-sa !
Ai biết giữa đường nông nỗi ấy ?
Mộng-hồn bao thuở tới quê nhà !

II

Mỏi mắt Thiên-Thai chiếc nhạn thâu,
Non xanh nước biếc luống âu-sầu.
Giữa đường nông-nỗi, ai người rõ ?
Hồn mộng bơ vơ biết gửi đâu !

2 — *Tôn-lam-Tiên* người Côn-sơn tự là Ngọc-Điền, vợ ông hiếu-liêm Uông-Bình-Ân.

Thơ « tư-thân » rằng:

Cửu biệt đình vi thán viễn ly,
Bất tri hà nhật hữu qui kỳ ?
Tạc tiêu chẩm thượng tư thân lệ,
Do thị khiên y tích biệt thì !

Dịch nghĩa

Song-thân xa cách bấy lâu nay,
Mong mỏi về thăm biết có ngày ?
Châu lệ đêm qua dầm áo gối,
Ngậm ngùi còn nhớ lúc chia tay !

3 — *Chu Thự-Vân*, người Trường-Châu, là vợ Lý Nghiễn-Vân. Góa sớm, cha mẹ muốn bắt tái-giá, cắn ngón tay mà thề, nổi tiếng trinh tiết.

Thơ vịnh nhạn rằng :

Phong cao nguyệt bạch đống vân khai,
Châm chử thanh trung nhất nhạn ai.
Văn nhĩ quan-bà hữu thư ký,
Khả năng vị ngã ký tuyền-đài ?

Dịch nghĩa

Gió cao mây tạnh bóng giăng soi,
Tiếng nhạn kêu sương lít giữa giời,
Đã biết đem thư ra cửa ải,
Lại đây ta gửi xuống tuyền-đài.

(Còn nữa)

Trực-viên Phạm-văn-Nghị

VĂN TẬP-KIỀU

Mừng một bà Tiết-phụ được sắc phong

Chữ « Trinh » đáng giá nghìn vàng,
Nở nang mày mặt rỡ-ràng mẹ cha.
Nguyên người quanh-quất đâu xa,
Ở vào khuôn-phép nói ra mối-giường.
Người yểu-điệu, khách văn-chương,
Một nhời vâng tạc đá vàng thủy chung.
Bấy lâu khang-khít đải đồng,
Trượng-phu thoắt đã động lòng bốn phương,
Vó câu vừa ruổi dặm trường,
Bơ-vơ lữ thấn tha hương dề huề. . . . .
. . Một mình ương ngọn đèn khuya,
Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng.
Phòng văn hơi giá như đồng,
Nước non để chữ tương-phùng kiếp sau.

Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau
Tuyết sương nhuốm nửa mái đầu hoa râm.
Khấu đầu lậy tạ cao thâm :
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.
Tóc thề đã chấm ngang vai,
Đêm thâu dằng dặc, nhặt cài then mây.
Dìn vàng giữ ngọc cho bay,
Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.
Nền phú-quí, bậc tai-danh,
Giấy loan xin nối cầm lành cho ai?
Thương vì nết trọng vì tài,
Đá vàng chi nữa ép nài mưa mây!
Ngoài tai dể mặc gió bay,
Tóc tơ bất động mảy-may sự tình.
Nhớ nhời nguyện-ước ba-sinh,
Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời,
Chứng-minh có đất có giời,
Nỗi lòng khấn chửa cạn lời vân vân.....
Có quan Tổng-đốc trọng-thần (3),
Làm gương cho khách hồng-quần thử soi :
Phẩm dể xin một vài lời,
Nam mấy bỗng thấy chiếu giời khâm ban.
Tấm thân nầy đã nhẹ nhàng,
Nỗi lòng luống nhưng bàn-hoàn niềm tây.
Phong-trần kiếp đã chịn đầy,
Sống thừa (4) còn tưởng có rầy nữa sao!
Rằng trong thanh-trạch dồi-dào,
Mà cho thiên-hạ trông vào cũng hay,
Lứa đôi ai lại dẹp tày,
Đời xưa mấy mặt, đời nầy mấy gan ? ? ! !

Cử-nhân Lê-Tư-Kiếm *nguyên-tác*
Lam-xuyên Lê-Gia-Cử *sao-lục*

---

(1) Xin xem tiểu-dẫn về bà tiết-phụ này đang trong Bản-chí số 27, mục « Văn Đàn » đoạn « văn Tập Kiều »,

(2) Ông chồng bà tên là ông Đồ-Mã.

(3) Có Quan Thượng dâu tỉnh tư vào Bộ xin sắc ban phong cho Bà để làm gương soi khách « hồng-quần »

(4) Người dàn bà hóa chồng gọi là « vị vong nhân» 未亡人

HÀI-VĂN

1 — Đá ngựa

Ngựa mới đá, biết đá mới là ngựa.

Đi đâu thế! mày cũng là ăn cướp đấy à! Ông lại « đá » cho mấy cái giờ!

Đó là nhời nói của con ngựa ông Huyện cưỡi đi khám đám cướp tức quở một con ngựa khác đi trước mình.

— Cùng nói giống ngựa bị người cưỡi cả, cậy lốt quan chọc nhau làm gì thế?! Này móng tôi cũng vừa bịt đây!.....

«Khôn ngoan đá đáp người ngoài»
«Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau»
Thế ra gà cũng biết đá như ngựa à!

Ngọc-sơn

2 — Nhớ ông bạn ở phố Mã-mây Hà-nội

An-nam tạp chí ra đời,
Xa thời ai nhớ, gần thời nhớ ai.
Mã-mây với phố hàng Khoai.
Quan hà gang thước cho người sầu riêng.
Trách cho ông bạn láng giềng,
Giận nhau chi đó? mà kiềng nhau ra.
Ước gì hợp mặt đôi ta,
Cốc men quế-lộ, chén trà liên-tâm.
Ngày xuân nhắn bạn tri-âm.

Tản-Đà

THI-ĐÀN GIẢNG-TẬP

Sinh con giai

Tiếng ồ xen lẫn tiếng oa oa,
Nào phải liu-điu vẫn giống nhà.
Tính cả trăm trai vừa lẻ một,
Kể cùng hai gái nữa thì ba.
Nhà đương cột đồ giường xiêu đó,
Con hãy mau khôn, chóng lớn mà...
Hun đúc khí thiêng trời đất Việt,
Hai mươi lăm triệu họ hàng ta.

Bài họa thứ nhất

Thoạt mới đầu sinh một tiếng oa,
Nhìn xem cốt-cách rõ con nhà.
Nhờ ra một tuổi hay thêm một,
Hẹn với ba sinh nợ giả ba.
Hội Á, Âu đây, mừng gặp nhỉ,
Phúc Hồng-Lam đấy, biết đâu mà,
Còn nhiều hưởng-thụ về sau nữa.
Lan ngọc xum vầy đất nước ta.

Bài họa thứ hai

Mới bước ra đời đã khóc oa,
Nỗi thương vì nước, nỗi vì nhà...
Trăm trai so với... đây mừng một,
Hai gái thêm vào nữa được ba.
Tên cỏ, cung dâu đành phải thế,
Cồn thay, bể đổi biết đâu mà...
Nghiệp nhà thư kiếm lâu nay vẫn...
Tạo vật vô-tình dễ một ta.

Kỳ-Sơn

***

Bài nguyên-vận

Hai câu *đệ nhất, đệ nhị*. Hùng-hồn tự-đắc, ý-khí lưu-động trên mặt giấy. Thực là hai câu phá, thừa rất hay!

— Theo về sự đọc, thời như hai câu thơ này là đủ. Theo cách viết ra giấy, thời cách đánh giấu chấm còn nên để ý tường hơn.

Hai câu *tam, tứ*. Ý tuyệt hay! Lời cũng không kém. Duy tiếng « *thì* » ở câu dưới, nghe còn có vấp gọn. Ý tôi muốn đổi chữ ấy làm chữ « *là* », có lẽ chơn xuôi hơn.

Hai câu *ngũ, lục*, có ý mà kém lời. Trong một câu thơ 7 chữ, bốn chữ giữa (từ chữ thứ ba đến chữ thứ sáu) đặt đi với nhau, chỗ đó rất là bệnh. Đặt như thế thời câu thơ thành ra hình con *rùa*, rất nặng mình mà không hoạt-động được. Trong hai câu đây, bốn chữ « *cột đồ giường xiêu* » và bốn chữ « *mau khôn chóng lớn* », tức là thế. Đó là nói về *hình-thế* của câu thơ. — Còn như sự dùng chữ ở trong hai câu đây, như chữ « *cột* » chữ « *giường* » ở câu trên, là tiếng *nom*, mà đối với chữ « *mau* », chữ « *chóng* » ở câu dưới, là tiếng *adverbe*. Sao không trỉnh đến thế?! Đó là người làm thơ, trong lúc đặt câu không tự trọng, không phải chỉ là có lỗi về chỗ không sành mà thôi. — Hai câu ấy, theo nguyên-ý, tôi muốn sửa lại rằng:

Ba gian nhà đó, xiêu là thế;
Bẩy thước con ơi, lớn dậy mà.

Câu thứ *bẩy*, chỉ đứng riêng ra một mình thời có nghĩa. Đặt như đây thời đối với trên dưới, không có thừa tiếp gì cả; mà làm phí một câu thứ *tám* là một câu thơ hay... Nay tôi muốn đổi hẳn câu ấy rằng:
Dân nước sau này ra góp mặt.
Câu thứ *tám* để nguyên, rất hay!

Toàn bài sửa là:

Tiếng « ồ » xen lẫn tiếng « oa oa ».
Nào phải liu-điu, vẫn giống nhà!
Tính cả trăm trai vừa lẻ một;
Kể cùng hai gái nữa là ba.
Ba gian nhà đó, xiêu là thế;
Bẩy thước con ơi, lớn dậy mà,
Dân nước sau này ra góp mặt,
Hai mươi lăm triệu họ hàng ta.

Bài họa thứ nhất

Câu thứ *nhất*, được ba chữ sau hơi khéo; còn bốn chữ trước nghe thấy lủng-củng mà chưa xuôi nghĩa.

Câu thứ *hai*. Lời thơ rất tươi mà không mất vẻ trang-nhã; ba chữ « *rõ con nhà* » cũng thật khéo. Thơ họa được đến như thế, thật là câu thơ hay!

Hai câu *tam, tứ*. Ý cũng hay mà lời cũng xuôi; song nhận ra không xứng địa-vị. Cứ như ý nghĩa của hai câu ấy, phải đem xuống làm câu đệ ngũ, đệ lục, thời mới có thể kể là hay.— Đã vậy, nếu cầu trách hoàn-toàn, thời hai câu cũng đều còn có chỗ kém. Câu trên nghe ra thấy lòng - thòng mà yếu; câu dưới thời lại thấy ra khô-khắc. Lại chữ «*hay*» ở câu trên, là tiếng *adjectif*, mà đối với chữ «*nợ*» ở câu dưới là tiếng *nom*, không cân.

Hai câu *ngũ, lục*, kém quá!

Câu thứ *bảy* cũng kém,

Câu thứ *tám* có thể gọi là được; song duy có ba chữ sau cuối có thể hay.

Bài họa thứ hai

Hai câu đệ *nhất* đệ *nhị*, rất là không hay! Vì theo như đầu bài đây, không nên có cái cảm-tưởng về nên buồn. Đó là tác-giả sẵn có cảm-tình mà dùng sai, thực là một cái bệnh lớn trong làng thơ thường có như thế.

Hai câu *tam, tứ*. Một câu dưới thật hay! có thể gọi là hay hơn câu nguyên - vận: vừa có lực, vừa có vẻ đắc ý hơn. Cái chỗ hay của câu này ở một chữ « *được* ». Có lực ở đấy; đắc ý cũng ở đấy. Một chữ ấy thực rất có giá trị! — Câu trên là câu thứ *ba*, chắc tác-giả đặt sau, cố để đối với câu dưới, song mà không đủ sức đặt nữa, thành ra không ra làm sao. Cứ tôi nghĩ: câu thứ *tư* đã theo ý nghĩa của nguyên-vận, thời câu trên cũng lại theo ý nghĩa của nguyên-vận mà chỉ xếp đặt lại niêm luật, như thế thực tiện hơn. Vậy câu ấy, ý tôi muốn sửa đặt là:

Trăm trai tính cả, vừa hơn một.

Hai câu *ngũ, lục* trong bài đây cũng kém. Ba chữ « *biết đâu mà* », giọng rất buồn, mà bài họa này, cùng bài họa trên đều dùng như nhau, vậy biết sự «bộ vận » là khó.

Câu thứ *bảy* hay, mà hay một cách sang-trọng!

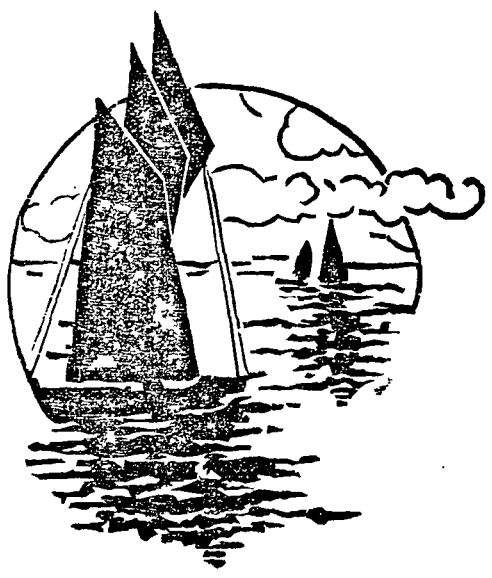
Câu thứ *tám*, nghe lại nhạt-nhẽo không ra sao.

Cứ hai bài họa đây, mỗi bài có câu được câu thua, chữ hơn chữ kém, mà niêm luật cùng nhau. Vậy tôi muốn lựa trọn trong cả hai bài, thêm bớt và xếp đặt lại làm một.

Toàn bài xếp lại là :

Thoát lộ đầu ra, một tiếng oa,
Nhìn xem cốt-cách rõ con nhà!
Trăm trai tính cả vừa hơn một,
Hai gái thêm vào nữa được ba.
Nòi giống Rồng Tiên còn nối mãi...
Gió mưa Âu, Á cố theo mà...
Nếp nhà thư kiếm lâu nay vẫn,
Lòng bố thân con đất nước ta.

Tản - Đà



MỘT VIỆC PHÁT-MINH RẤT CÓ ÍCH-LỢI CHO CÁC NGƯỜI LÒA

Trong các người tàng-tật, ai cũng biết rằng các người mù-lòa là hạng người khổ-não hơn nhất, suốt đời hình như bị giam-hãm vào trong cái địa-ngục mù-mịt tối-tăm. Từ ngày nhờ được ông giáo-sư *Braille* phát-minh ra thứ chữ lồi để in các thứ sách cho những người lòa dùng, cái cảnh khổ-não của hạng người không may ấy, cũng đã giảm được đôi chút. Nhờ đấy, các trường-học dạy người mù đã lục-tục thành-lập ở gần hết các nước văn-minh bên Âu-Mỹ, mà trong các người mù, đã có người trở nên bác-học thông-thái, có người làm đến cả chức giáo-sư trong các trường. Song, vì việc in các sách vở bằng thứ chữ Braille tốn kém lắm, nên các tàng-thư viện để riêng cho các người mù kể ra rất còn eo-hẹp.

Mới đây, ông *Thomas*, một nhà Bác - học Pháp, vừa phát - minh ra một phương-pháp có thể làm cho những người mù, không những đọc được các sách in bằng thứ chữ Braille, mà còn đọc được hết thảy các sách vở báo chí in bằng mực đen nền trắng. Phương-pháp này xem ra rất giản-dị và thần-hiệu. Nhờ sức mạnh ánh-sáng của cái máy điện ảnh (photoélectrographe) người ta làm cho các chữ ở trong quyển sách hay tờ báo biến ra thành những chữ lồi; rồi đem thu vào những cái đĩa như các đĩa máy hát, có thể sờ mà đọc được. Như vậy, bất cứ một quyển sách hay một tờ báo nào, hễ chiếu qua vào cái máy mới phát-minh ấy, tức-thì biến thành ra chữ Braille cả. Hiện cái máy này đã đem thí-nghiệm ở trường dạy người mù ở Ba-lê, và đã được công-nhận là có thực-hiệu.

Vậy nhờ ông Thomas, cái món nuôi trí-não cho các người mù-lòa, từ nay sẽ hoàn-bị hơn trước; các người học-thức, không may bị kém hai con mắt, cũng có thể tùy thích xem báo đọc sách, không kém gì người lành.

MAI-KHÈ

XÃ - HỘI BA : ĐÀO KÝ

« BỐ ANH ẤY CHẾT »

... Ngày ấy tôi học năm thứ tư trường Sư-Phạm. Tuy còn hai tuần lễ nữa thì tới kỳ thi ra, nhưng mai là chủ nhật, còn ai cấm chúng tôi nghỉ ngơi sớm nữa?

Ở trường Sư-Phạm, không biết bây giờ còn được thế nữa không, chứ mà mấy năm về trước thì khiếp quá, nhất là các «cụ cát-dem» chúng tôi, làm như ông Hạng! Ăn cũng hơn món, học cũng hơn giờ, mà đến cái trái luật, cái bướng bỉnh, cũng có phần hơn anh em các lớp dưới! Ừ, được thể sắp thi ra, lớn nhỏ cũng làm ông giáo, cho nên chả sợ, chả nể ai cả, mà cũng chả ai buồn dây với chúng tôi làm gì cho thêm ác-cảm. Không những thế, học trò năm thứ tư lại được phép lần lượt coi lẫn nhau, mà người coi ấy phải chịu hết trách-nhiệm, cho nên lắm lúc chúng tôi hoành-hành như «ông Tướng Quảng-Lạc»!

Chín giờ tối hôm thứ bẩy ấy; trống ngủ đã đánh rồi. Anh em các lớp khác đã lên trên gác, bỏ màn nằm yên-tĩnh cả, lúc bấy giờ chúng tôi mới «khệnh khạng» lên, lê giầy sền sệt, nói chuyện bô bô. Mà chúng tôi có cùng lên cả một chuyến đâu, người thì còn xuống nhà dưới ăn phở, người thì còn ngồi trong lớp học đến mười một giờ khuya. Nhưng chúng tôi lên sớm, có phải đi ngủ sớm cho béo mắt đâu: cạnh chuồng tiêu, ba bốn anh còn quây chung quanh anh Đoan «Bà-một» để chờ anh đánh diêm «khao» nốt mẩu thuốc lá ban chiều; bến vòi nước, anh Bách «Tu-via», miệng lúng búng ngụm nước, tay cầm cái điếu cầy cán chổi, còn chờ anh Vũ «Oẳn» lấy diêm để «tẽ» một tuần. Ngoài hiên, bên dẫy tủ quần áo, anh Văn, trắng trẻo và đẹp giai, đương mắm môi mắm lợi, giở hết sức bình-sinh, đánh đôi giầy giôn cho bóng lộn, thỉnh thoảng lại thử soi mặt vào mũi giầy xem đã được như gương chưa; anh Chính thì đương chạy nháo lên về tìm ai có ít xi-đạt đen để «cộng-sản». Trong buồng, mấy anh nghịch tinh, xúm-xụm nhau để cố lật chăn anh Thọ là tín-đồ đạo «thờ quần» vì sợ «vỡ hộp» hôm chủ nhật, nên tối thứ bẩy anh vẫn chịu khó nằm vơ, mốt ông Táo!

Lúc ấy tôi cũng ruỗi thẳng cẳng, ngồi phệt ngay bên cửa chớp trông ra đường cái để dạy nốt mấy anh vài ngón đàn tam-thập-lục, mà chung quanh các bạn ngồi chồm chỗm như lũ cọp đắp ở tường các đền. Ấy, trong bọn « ma-cà-cúi », chỉ còn thiếu có anh Đính, anh Rũng, anh Khải, mà thôi. Các anh ấy đâu? Cơ chừng các cậu bị «công-sinh», nên không còn hy-vọng gì ra ngày chủ-nhật mà hoài công sắm sửa. Trong bọn bị phạt ngày mai, có anh Rũng là liều-lĩnh nhất. Thi đến nơi rồi, mà anh chả lo lắng gì cả; chỉ nay trả lời cái thư tim-tím, mai học thuộc cái thư hồng-hồng. Cả buổi chỉ giở quyển Kiều, ra công khảo-cứu những câu tình-tứ. Bài làm thì «cóp», bài thi thì «phim», cho nên bao giờ anh bị «truy», mặt anh cũng sám như gà cắt tiết. Nhưng anh Rũng vui tính lắm, chẳng lúc nào trên môi anh không để một nụ cười. Giờ học nào anh cũng pha trò cho chúng tôi được phen vỡ bụng. Cho nên anh Rũng tuy thầy ghét, nhưng bạn yêu.

Lúc tôi đang đánh đàn, thời bỗng thấy có tiếng gọi, tôi dừng tay, lắng tai nghe:

— Cậu nào trên gác thượng, cho tôi nhờ một tý!

Tôi đứng dậy, cúi nhìn xuống đường phố, thấy dưới cột đèn, một đứa bé chừng 14, 15 tuổi, vẫy tay và gọi:

— Tôi nhờ cậu, cậu ơi!

Tôi hỏi:

— Ai đấy? Hỏi gì?

— Nhờ cậu bảo cậu Rũng rằng thầy cậu ấy mới mất, cậu ấy phải về ngay, có ô-tô chờ.

Chúng tôi thấy cái tin dữ-dội của bạn, anh nào anh nấy rật nẩy mình, kinh-hoảng, ngơ-ngác nhìn nhau và hỏi:

— Rũng lên ngủ chưa?

Tôi bảo thằng bé con:

— Chờ đấy, cậu ấy ra đây bây giờ.

Nói xong, chúng tôi làm nôn nao cả buồng ngủ, chạy tán-loạn đi tìm anh Rũng. Anh em lớp khác choàng cả mắt dậy; rồi khảo nhau:

— Bố anh Rũng «cát-dem» chết.

Anh Rũng lúc ấy còn đương ở buồng học, xem cuốn tiểu-thuyết. Nghe tin như sét đánh ngang tai, anh tái mét mặt, run bần bật, mếu máo, hấp tấp xếp sách vở, gập năm sáu cái thư kín vào cập sách, rồi tất tả hỏi tôi:

— Đâu? Thằng bé con nào đâu?

Chúng tôi vội chạy xuống nhà dưới, đưa anh Rũng tìm đến chỗ cột đèn, nhưng không thấy thằng bé con ban nẫy đâu, tôi bèn hỏi to:

— Ai là người nhà cậu Rũng đâu rồi?

Không thấy ai thưa cả. Anh Đoan trên gác, thò cổ xuống bảo:

— Nó về rồi.

Anh Rũng lập cập chạy lên gác, nằm ềnh trên giường, lăn lộn khóc nức khóc nở. Chúng tôi hết lời khuyên-giải; nhưng, những lời khuyên-giải ấy đối với tâm-lý anh Rũng lúc bấy giờ, chỉ là vô-hiệu, chúng tôi bèn người thì thu xếp quần áo hộ, người thì thảo tờ giấy phép hộ, rồi giục anh Rũng sang ngay nhà ông Đốc mà xin phép. May quá, ông Đốc có nhà ký giấy cho anh

nghỉ một tuần lễ. Thế là anh bắt mở cổng ra ngay.

Chúng tôi nhìn theo anh Rũng mà ái ngại cho anh. Tội nghiệp! Trông thấy anh ấy ban nẫy vui vẻ, cười khanh-khách ngồi trong lớp còn tán truyện ầm ầm, chế hết người nọ, lại chêu người kia, mà bây giờ anh đã bị vào cảnh g'a-biến, vật mình vật mẩy, nói không ra hơi, khóc không ra tiếng, thì ai là người không động tâm?

Vả chăng, ông cụ thân sinh ra anh ấy, chúng tôi đều được biết cả, vì nghỉ hè anh có mời chúng tôi lên nhà tại Bắc-giang chơi. Ông cụ phúc-hậu mà vui tính, coi chúng tôi như con, cho nên nay không nghe tin ốm, mà bỗng đánh đùng thấy nói mất, thì tuy không máu mủ, nhưng cũng đều thở dài thương tiếc.

Một con ngựa đau, cả tầu không ăn cỏ, chúng tôi thấy tin buồn của bạn, liền dủ nhau cả xuống buồng học, để bàn bạc góp tiền sửa đồ phúng-viếng.

Anh Mộng, có tài hùng-biện ngồi cao làm chủ hội-đồng. Cái hội đồng này cũng có tính-chất êm-đềm như hội đồng các ông dân-biểu; anh Mộng nói ra điều gì, chúng tôi cũng bằnglòng ngay không ai phản-kháng. Kết cục, các anh giao cho tôi phải đi sửa ngay câu đối và mua các thứ để kịp mai buổi trưa, anh Thuận đáp xe lửa đi Bắc-giang.

Hội-đồng giải-tán, ai nấy đều im lặng lên gác, bỏ màn đi ngủ, ngậm ngùi tiếc người thiên-cổ, ái-ngại thương bạn số đen.

Kể ra anh Rũng cũng thực đáng ái-ngại. Bà thân-sinh ra anh cũng đã mất sớm, nay nếu ông cụ lại quy-tiên, thì thực là anh ấy vô phúc quá. Vả, còn nửa tháng nữa thì thi, giá ông cụ cố ở lại ít ngày, để được trông thấy anh ấy thành-đạt, có phải vui vẻ thỏa lòng biết bao không? Mà anh ấy cũng khỏi thiệt một tuần-lễ để học dấn lên, có phải thi may cũng có phần chắc không? Nay anh Rũng ở vào cái cảnh-ngộ sầu khổ như thế, thì còn ruột gan nào mà học nữa! Thực là con Tạo oái oăm, hay bầy chò cho thêm rắc rối!

***

Đêm hôm ấy chúng tôi ngủ không yên giấc, thỉnh thoảng lại hỏi nhau:

— Bây giờ Rũng đến nhà chưa nhỉ?

— Bây giờ Rũng chắc đương lăn lộn bên quan tài!

Sáng sớm hôm chủ-nhật, trước khi tôi ra phố, anh em lại rặn tôi rằng:

— Anh phải giục thợ làm ngay câu đối mới kịp!

Tôi mượn được xe đạp, thượng-khẩn cuốc đi sắm sửa lễ-vật. Xong xuôi, tôi liền về trường định giao giả anh Mộng để anh cắt anh Thuân đi. Nhưng lúc qua phố sông Tô-lịch, tôi sực nhớ ra nên qua nhà có anh Rũng ở phố hàng Cót mà hỏi thăm tin bạn.

— Đến nhà, thấy vú già đứng cửa, tôi hỏi:

— Cậu Rũng đi lúc mấy giờ?

— Thưa, chưa đi đâu cả, cậu ấy mới ở trường ra đến nơi!

Có lẽ vú già không biết gì, nên mới trả lời vơ-vẩn thế, tôi liền đẩy cửa vào, thì lạ quá, chả anh Rũng ngồi ở trường-kỷ kia thì là ai? Anh thấy tôi có ý biến sắc mặt và nói tiếng tây khẽ rằng:

— Đừng nói gì về việc hôm qua.

Tôi chẳng hiểu ra sao cả. Thế là thế nào? Trong khi bao nhiêu dấu hỏi còn đương móc óc tôi, thì anh Rũng đã mặc xong áo, anh liền cầm mũ, dủ tôi đi.

Ra đến cửa, anh có ý lo, vật đầu vật tai nói:

— Nguy quá, anh ạ.

— Sao? Cụ bây giờ thế nào?

— Ác quá, con ranh con nó làm hại tôi!

— Sao? Nó không cho anh về à?

— Không phải, nó nghe tin tôi phải phạt, sợ hôm nay không gặp tôi, nên nó nói láo là thầy tôi mất để tôi ra với nó!

Tôi nghe câu nói, lạnh toát cả người, choáng-váng đầu như bị chóng mặt, tôi phải đứng dừng lại và vịn lấy anh Rũng. Trời ơi! thế ra nhân-tình anh ấy nhớ anh ấy mà muốn được gặp, chứ có gì đâu! Thế có giận không? Thì ra chúng tôi phải lừa cả. Tôi tức lộn ruột nghiêm nét mặt mà trách móc, anh Rũng chẳng cãi sao, chỉ nhăn nhó, hối-hận và xin lỗi. Rồi anh nói:

Còn một việc khó nghĩ cho tôi, nhờ anh tính hộ. Tôi mà không về trường, thì mất sáu ngày học, tôi mà về trường, thì ông Đốc thấy tôi khăn thâm áo thâm, mà biết là tôi nói dối, có lẽ lôi thôi, không khéo tôi phải đuổi mất; kỳ thi sắp tới, mà nếu bốn năm học uổng công, thì thầy tôi mắng chết; rồi lỡ việc này đến tai thầy tôi, thì tôi chết mất! Làm thế nào cho êm được?

Về lo sợ của bạn, tôi không mấy khi được trông thấy lộ trên nét mặt ngày thường, cho nên tôi nhận biết bây giờ anh ấy nghĩ ngợi lắm. Tôi lại thương anh ấy, chẳng qua nhăn nhó chỉ vì chữ tình, tôi nghĩ một lát, rồi nói:

— Chỉ còn cách là: tối nay anh về thú thật với ông Đốc, nói là anh bị đứa nào nó thù, nó đánh điện báo tin ấy. Nay anh lại xin đi học là êm truyện.

— Còn cách gì êm hơn, anh nghĩ kỹ hộ. Hôm qua tôi lo phờ cả đầu!

Tôi lại nghĩ một lát, nhưng không còn kế gì hơn, tôi nói:

Anh cứ làm thế là êm nhất.

Anh Rũng vẫn ra dáng lo nghĩ, rồi có lẽ, anh cho kế ấy là diệu, nên anh lậy van, vàdặn tôi rằng về trường chớ nói với ai. Anh nói:

Sau này có xẩy ra sự gì, tôi cứ anh đấy!

Tôi đã hứa hết sức giữ kín, cho nên rồi tôi cũng chẳng nói chuyện cùng ai; mà việc lên Bắc-Giang, tôi cũng tìm cách ngăn-trở, nói là thợ làm không kịp. Các anh liền bảo tôi khi nào được thì gởi ngay xe hỏa cho tiện. Thế là tôi dìm đồ phúng đi.

Tối hôm ấy, tôi về trường sớm. Tôi ngồi trong buồng học, tuy mắt

nhìn vào sách, nhưng vẫn lắng tai để ý nghe, mỗi bận thấy tiếng giầy tây lộp cộp của một anh ở phố vào đến lớp, là tôi lại rật mình hộ anh Rũng. Anh mà bị anh em hỏi truyện, thì không biết anh trả lời làm sao cho chôi? Nhưng quái, hết giờ rồi mà không thấy bóng anh Rũng đâu cả. Tôi lại không đoán được là anh ta nghị định làm thế nào.

Rồi thứ hai, thứ ba, thứ tư, ... chả thấy anh Rũng vào trường, mà lớp học vắng anh, cũng im phăng phắc. Từ hôm anh nghỉ, trừ tôi ra, còn anh em, ai ai cũng thỉnh thoảng nhắc đến anh Rũng mà ái-ngại.

Đến tối chủ nhật sau, gần tám giờ khi chúng tôi đương cúi mặt, cặm cụi xuống quyển sách, thì bỗng có anh nói một cách mừng rỡ:

—À! Rũng!

Rồi một vài anh:

—Ê !. Rũng ! tôi chia buồn cùng anh !

Tôi ngẩng đầu lên, thấy anh Rũng mặt mũi xanh xao, bơ phờ rầu rĩ, chẳng hay anh lo hay anh buồn, tôi lại thấy anh ăn mặc đại-tang, đầu chít khăn ngang sô, mình mặc áo sồ gấu.

Tôi lại một phen choáng óc, phân-vân như mê mê hoảng hoảng. Ơ hay, thế là nghĩa làm sao ? Hay là bố anh ấy chết thật chăng? Tôi chố mắt lên nhìn anh Rũng. Anh mỉm cười chào các bạn, rồi tiến thẳng đến tôi bấm tôi ra hè. Đến hè, anh hất hàm hỏi khẽ tôi :

—Không ai biết đấy chứ ?

— Phải, nhưng sao lại khăn áo này ?

Anh Rũng tắc lưỡi đáp

—Không! còn vài hôm nữa thì thi ra, mà ông Đốc cũng không trông thấy mình nữa, cho nên tôi phải ăn mặc thế này cho êm cầu chuyện trong mấy hôm cuối cùng !

Nguyễn-Công-Hoan



NGƯỜI LẤY MA

Một câu nói dối tuy nhỏ nhặt, có thể đưa ta đi xa lắm ...

Ấy chính anh chàng Jean Barra, một người đi đưa hàng ở Ba-lê, vừa mới thực-nghiệm một cách chua cay, những điều tai-hại của cái trí tưởng-tượng bông lông.

Vì cuộc nhân-duyên không được như nguyện chàng ta vừa xin ly-dị với vợ và thề rằng từ đây không bao giờ bị dại mà vướng chân vào cái bẫy gia-đình nữa. Hai chữ gia-thất, theo ý chàng, thực là cái địa-ngục cho những kẻ trượng-phu ! Ấy thế mà ngay hôm ở phiên tòa ra, chàng ta liền phải lòng một cô ngồi giữ máy điện - thoại, ở sở Điện-báo. Cô này người thanh-tú thuần - thục. tên gọi là cô Armandine.

Thấy chàng Barra ngỏ lời gắn bó, cô ta cũng không cự-tuyệt. nhưng cô quyết - chí rằng người chồng cô phải là hiền-hậu không có giăng-gió với ai bao giờ.

Anh chàng đã mê-tơi, nên cô kia muốn thế nào cũng cố thề sống thề chết cho xong chuyện, rồi cùng nhau định ngày cưới. Nhưng gần đến ngày ấy, anh chàng mới thấy lúng túng. Các giấy má còn sờ sờ kia, rồi đây sao cô ta chả biết rõ hết công-chuyện của mình! Bây giờ vẫn biết dối dá cho suôi, nhưng sau này trong lúc thân-mật, giấu giếm thế nào mãi được! Cũng may phúc đáo tâm linh, chàng nhớ ngay ra có một người anh em thúc bá, đi lính-thủy, hồi năm 20 tuổi và đã tử trận ở trận đánh Saint Gond hồi Pháp-Đức chiến-tranh năm 1914. Trừ một mình chàng, cả thiên-hạ bây giờ, không ai còn nhớ đến người lính thiếu-niên dũng-cảm ấy nữa. Chàng liền viết thơ về tòa Đốc-lý tỉnh La Garnache xin bản trích-lục khai-sinh của người ấy. Thế là từ đấy về sau, trước mắt pháp - luật cũng như trước mắt người vị - hôn thê, chàng Jean Joseph Barra biến thành Henri Joseph Barra.

— Chắc mình chả vì thế mà chết được nào, chàng bụng bảo gia thế ! Không,chàng có vì thế mà chết đâu, nhưng có khi lại có điều khó chịu gấp mười cái chết.

Số là người vợ mới của chàng, ban đầu thì thuần-thục,dần dần sinh ra ghen tuông đanh đá, mà không những ghen với truyện trước mắt, lại ghen với cả truyện đã rồi. Lục-lọi các giấy má của ông chồng, nàng ta khám-phá ra rằng chàng đã có một lần vợ rồi, đã ly-dị rồi lại thêm một cô nhân-tình mới nữa.

Này này sự đã quả nhiên... nàng Armandine lập-tức đầu đơn ly-dị.

—*Ấy chết*,sau khi xét qua giấy má, quan Tòa trả-lời nàng thế, *cô ly-dị sao được, cô kết hôn với một người đã chết rồi.*

Nghe tin như sét đánh, cô Armandine ngã đùng ra, ngất người đi.

Khi cô hồi lại, quan Tòa phán rằng:

—Tuy vậy, cô có thể xin tiêu-hủy việc giá-thú ấy cũng được.

Quan Biện-lý biết truyện, liền buộc Jean Barra vào tội «mạo-dụng giấy khai-sinh của người khác» và giao sang Toà án Trừng-Trị. Nhờ có Trang-sư Edgar Faure cãi hộ. Barra chỉ bị phạt có 250 quan tiền phạt thôi. Còn việc giả-thú, thì trước mắt pháp-luật anh Jean Barra không từng tái-thủ bao giờ.

Về phần cô Armandine, cô ta cũng đã nhờ Trạng-sư Vigne xin được Toà-Hộ cho xóa- bỏ cái cuộc nhân-duyên ấy đi. Trong phiên tòa này, Trạng-sư Faure cũng không kháng-biện gì cả, mà anh chàng Barra thì cứ tự-do tự-tại đóng vai người đi xem.

Có lẽ trong bụng chàng đã đương tính-toán việc tục-huyền nay mai. Còn cô Armandine, chắc từ đây có lấy chồng, cũng phải xem xét kỹ-càng xem « ma » hay « người! »

Mai-khê

THỜI-SỰ

TIN TRONG NƯỚC.

Tin Chính - trị

Hà-nội. — Sáng hôm 13 Février 50 người tù chính-trị ở nhà pha Hanoi bị giải lên Sơn-la và Hòa-bình Lúc vừa ra khỏi nhà pha, một người rút tờ giấy trong mình ra toan biểu-tình, nhưng lính lại dẹp yên được ngay.

Vĩnh-yên. — Một chi-bộ Hội-kín thuộc làng Đồng - vệ, phủ Vĩnh-tường bị khám phá, Sở Mật-thám bắt được 31 người và đào được một thùng tô-nô chứa bom, dao, mác.

Hà tĩnh. — Hôm 23 Janvier, Chân Giao đạp xe đạp qua làng Trại-mới (tổng Xuân-lang, Huyện Hương-khê) gặp một đám tụ họp, bị họ giết chết đem đầu trôn trong rừng. Hiện đã bắt được ba người.

Vụ cướp ở huyện Gia-Lộc

Hải-dương. — Giữa hôm mồng 3 tết, một bọn cướp có bom, súng, ăn mặc rất lịch-sự, vào nhà lý-trưởng đương thứ xã Phạm-trung, huyện Gia-lộc, tên là Phạm-văn-Mạch. Chủ-nhân thấy động, kêu cứu, tuần đinh và dân làng kéo đến đánh nhau với quân cướp rất hăng, bọn cướp bắn mấy phát súng, may không tin ai, họ lại ném bom nhưng bom không nổ. Một tên cướp là Phạm-văn-Thước bị bắt giữa trận tiền. Hai tên Phạm-quang-Chiếu và Nguyễn-văn-Tam bị bắt khi chạy qua xã Đoàn-bái.

Sáng hôm sau người ta lại tìm thấy một cái tử thi bị đâm lòi ruột lòi óc nằm ở đầu làng Cát-khê.

Vì đám cướp này có tính-cách quan-trọng, nên việc điều-tra phải giao cho sở Mật-thám Hanoi. Hiện đã bắt được cả thảy 13 người, trong bọn có cả con nhà tử-tế giầu có nữa.

Thuyền đắm

Hongay. — Sáng hôm 28 tháng chạp, ba người tây coi mỏ cùng với một người bạn rủ nhau đi chơi bể. 4 người xuống một chiếc thuyền con trong có một người lái và bốn người con. Thấy giời êm-ả, thuyền tung-tăng ra mãi ngoài khơi, các ông đương cao hứng bắn cá. Chẳng ngờ đến giữa trưa, cơn dông nổi, thuyền đắm, chỉ còn một người lái thuyền và một người tây bám được vào đá sống sót, còn bẩy người kia nước cuốn đi không thấy tăm hơi gì.

Chức vô địch quần vợt ở Nam-kỳ.

Trần-văn-Chim từ khi biệt M. Yên thì cắp cây vợt sang hội Tàu Chin-Wo, nên kỳ này, đánh đôi mới đứng cùng Kaai ở hội ấy. Vào chung-kết cùng Chim-Kaai, có Giao-Nữa, ai cũng đoán rằng Giao-Nữa sẽ bị thua.



« Chim sẽ ra Bắc » đó là lời đoán của nhiều người. Ảnh trên vẽ Chim, Dương, Samacq và Roumengous. (Từ tay phải trở lại) Cl. A. N.

Nhưng Giao lại tin thế khác : « Tôi đã khỏi tay, dượt trong 15 ngày tất thắng Nữa và hết thảy các tay múa vợt ở Đông - dương, dượt trong 1 tháng sẽ hạ được anh Ba-Chim không khó ». Còn Nữa ? Thì Nữa đã hạ Tử hôm trước, chiếm giải độc-chiến Nam-kỳ, nhiều người khen Nữa chơi không kém gì Dương ở Bắc.

5 giờ chiều hôm thứ hai 8 Février, hai cặp gà đã chạm trán nhau. Chim chơi rất hay, nhất là ngón volée haute, cướp được cho Chin wo set đầu 6 - 3. Nhưng bù lại, Kaai chơi lại quá dở, đánh hỏng lại hay nóng, thành thử cặp Giao-Nữa cứ chĩa về phía Kaai mà vụt ban, thắng set nhì 6-4. Tả xung hữu đột, Chim đã nhoài người mới giữ được đến «4 jeux partout», tiếp hai jeux sau đã được 5-5 thì bỗng Kaai hỏng luôn 4 quả service. C. S. A. lại được avantagne jeu cuối cùng, thành thử cặp Giao-Nữa chiếm ngay, được giải vô-địch.

Chật vật thay ! Thế mà Huỳnh-văn - Giao bảo « hạ anh Ba-Chim không khó ! »

TIN NƯỚC NGOÀI

PHÁP

Nội-các Laval bị đổ

Hồi 3 giờ chiều hôm 16 Février. Thượng-Nghị-Viện họp để nghe ông Peyrounet chất-vấn Chính-phủ. Quan Thủ-tướng xin hoãn đến 26, nhưng bị Nghị-Viện bác đi. M. Laval xin bỏ phiếu hỏi ý-kiến Nghị-Viện xem có còn tín nhiệm Nội-Các nữa không. Chẳng may, Nghị-Viện bỏ 157 phiếu bác lời yêu-cầu của Chính-phủ và 134 phiếu thuận. Tức khắc M. Laval cùng các quan Tổng-trưởng ra khỏi Viện, đến thẳng điện quan Tổng-thống nộp đơn xin từ-chức.

IRAK

Nước Irak được độc-lập

Irak là một tiểu-quốc ở cạnh Thổ-nhĩ-kỳ, gồm có xứ Mésopotomie và đất Moussoul, diện-tích 37 cây số vuông, dân cư 3 triệu người, kinh-đô là Bagdad, từ sau hồi Âu - chiến bị đặt dưới quyền người Anh bảo-hộ. Hôm 28 Janvier vừa qua, đã được Hội-đồng Vạn-quốc tuyên-bố cho độc-lập. Ông Hội-trưởng Paul Boncour có ngợi khen Hội-đồng và Chính - phủ Anh. Ông lại ngỏ ý nước Pháp rất mong sẽ mau mau giải-phóng cho các nước ở phương Đông đặt dưới quyền mình cai-trị.

Đó là một lời nói của ông Paul Boncour !

MỸ

Động đất ghê-gớm ở đảo Cuba

Mới đây, tại Santigo có động đất,

một đêm cả thảy năm lần, đường giao-thông bị hư hỏng cả, nhà cửa bị đổ nát và cháy rất nhiều.

Chết độ 500 người và bị thương độ 1.000, số công-sở bị đổ độ 150 cái.

TRUNG-HOA

Việc xung-đột ở miền Bắc

Quân Nhật ngày càng làm dữ, cử một trung-đội hơn 300 người đến Bắc-bình bảo-hộ sứ-quán và kiều-dân. Luôn mấy ngày, quân Nhật tiến đánh Nhiệt-Hà rất gấp, hơn vạn quân Nghĩa-dũng ở đường Cẩm-triều dùng thuật du-kích xuất một ở mặt sau quân Nhật quấy-rối, giết-hại, chiếm lại được Cầu-bang-tử (Kowpaztze) và Hưng - thành. Lại ở đường Đại-đao, ngày 20, phản công rất dữ-dội, thừa-thế cướp lại được Liên-sơn. Quân Nhật từ Cẩm-châu đại-cử đến cứu-viện, máy bay ném bom rất nhiều, quân Nghĩa-dũng phải lui vào Hàn-gia-câu, hôm 21 đã lùi đến Điền-Môn.

Một tay đại-hiệp ở Quan-Đông là Lão-bác-Phong mang đồ đảng lục-lâm hơn 1500 người ngày 18 kéo đánh Ngưu-trang, cùng quân Nghĩa-Dũng vây giết quân Nhật ở Doanh-khẩu chia một toán đánh phá Hải-thành. Quân Nhật rẽ ba đường cứu-viện, quân Lão hết đạn phải giải vây tháo lui.

Cũng hôm 19, Lữ-đoàn quân Cát-lâm do Trương-Tác-Chu đốc xuất đánh nhau với quân Hi-Hợp (phái thân Nhật) được luôn mấy trận, sau phi-cơ Nhật đến trợ-chiến Trương phải lui về.

Sớm hôm 22, cầu sắt và đường sắt Hàn-gia-câu bị Nhật ném bom hủy, một pháo-đội Nhật từ Cẩm-châu, Nũ-nhi-Hà tiến sang phía tây bị nghẽn, hai liên đội bộ binh đi trước vì không có pháo đội đi kèm bị quân Nghĩa-Dũng giết chết quá nửa. Đêm 23, quân Nghĩa-Dũng chặt đứt đường Hưng-thành và hủy hết đường điện-báo điện-thoại. Quân Nhật ở Liên-sơn, Hưng-thành tin tức cách tuyệt, trước sau bị đánh chết hại rất nhiều. Bốn chiếc tuần-dương-hạm và một chiếc hàng-không mẫu hạm Nhật vội vàng từ Tần-hoàng-Đảo đến Tuy-Trung, hai chiếc nữa đến Hồ-lô-đảo, 600 hải-quân kéo lên bộ, chẳng may lại bị quân Nghĩa-dũng phá cầu sắt úp đánh, giết hết gần 500, phá tan một đoàn xe thiết-giáp. Một đội máy bay Nhật ở Cẩm-châu được tin đến cứu, quân Tàu bị hại rất to.

Ngày 17, quân hai nước đánh nhau kịch-liệt ở Đại-Lăng-Hà, một đoàn Thanh-niên ở Nam-kinh Thượng-hải toan lên Hải - luân giúp Mã-chiếm-sơn, đến Bắc-bình lại thay kế-hoạch quyết đến Cẩm-Tây giúp quân Nghĩa-dũng. Cả đoàn Tam-dân thiết-huyết cũng đến giúp đội quân Liêu-Tây.

Tổng-tư-lệnh quân Nhật là Bản-Trang đã mở cuộc quân-sự hội-nghị ở Thẩm-Dương bàn việc quân và kế-hoạch đánh Nhiệt-hà.

Cũng trong hồi ấy sảy ra cuộc biểu tình ở Cáp-nhĩ-tân, hàng vạn người Bạch-Nga kéo nhau đi làm náo-động cả thành - phố. Lính cảnh sát Tàu phải dùng võ-lực, bắn vào vào bọn biểu tình. Kiều-dân Nhật sợ không dám ra ngoài phố. Lấy cớ ấy quân Nhật dùng ô-tô trở quân đến. Bộ Nhoại-giao Nga tuyên-bố nếu Nhật vào Cáp-nhĩ-Tân thì Nga sẽ phản - kháng. . . . . nhưng xét ra sự phản-kháng đó chỉ làm vì mà thôi, vì Nga đã cho Nhật mượn đường Trung - đông để vận tải quân sĩ. Hộ-lộ Tư-lệnh Trung-hoa là Đinh-Siêu hành động rất dữ, Bọn Hi-hợp và Trương-cảnh-Huệ muốn dụ nhưng không được. Đinh-Siêu đã cùng toán quân Cát-lâm cũ liên-hiệp với toán quân Hắc-long-Giang của Mã-chiếm-sơn lấy trừ tuyệt Trương-cảnh-Huệ làm mục - đích. Ngày 26 Đinh đuổi Trương ra ngoài Cáp-nhĩ-tân, suốt ngày 27 quân Trung Nhật đánh nhau rất dữ dội ở các miền phụ-cận, đến hôm 28 vì có phi-cơ Nhật đến giúp Đinh lại phải tháo lui cùng Lý-Đồ chia quân giữ Cáp-nhĩ-Tân và Đông Thiết-Lộ. Trưa ngày 31, Lý đại-thắng quân Nhật ở Lão-hỏa-Câu. Đến đêm, một sư-đoàn và một lữ-đoàn quân Nhật theo đường sắt Cáp-tường tiến lên bị Hình-chiếm-Thanh và Đinh-Siêu đón đánh, chết hết vài nghìn. Liên-quân Cát-lâm cũng bị thương và chết mất hơn nghìn người. Ngày hôm sau, quân Nhật vẫn tiến, Dân-đoàn và Nghĩa-quân ở Bắc-Mãn đua nhau nổi lên giúp Liên-quân. Đinh-Siêu thề chết chống quân Nhật, và vẫn hết sức hãm Trương-cảnh-Huệ không thông được với ngoài . . . . . .

. . . . . .

Chính-phủ Mãn-Mông hiện chưa thành-lập, vì có tin rằng các sứ-quán ở Bắc-kinh có mật-lệnh cho các lãnh-sự ở Thẩm-dương nói nếu đế-quốc Mãn - Mông thành - lập thì lập tức hạ cờ triệt về . . . . . .

. . . . . .

Mới rồi một chiếc máy bay Tàu thả truyền-đơn xuống thành-phố Nhật kể tội bọn Quân-phiệt Nhật áp-chế dân lành phải chịu bao nhiêu tội lỗi, và dọa nếu quân Nhật không sớm rút khỏi Mãn-châu sẽ liệng bom xuống các tỉnh nước Nhật.

Tin thêm

Đêm hôm 31 Janvier, lúc quân-Nhật rút đi Cáp-Nhĩ - Tân, quân Nghĩa-dũng đường Dả-Thông-Nhân kéo đến úp đánh, chiếm được Hắc-Sơn, Tây-Lập-Đồn, Bảo-Tử. Suốt hai hôm sau, quân đôi bên đánh nhau dữ ở Dả-Hồ-Sơn.

Các nhà đương-cục Nhật thấy thanh-thế quân Cát-Lâm ngày thêm to, quyết dùng toàn-lực quân Liêu-Ninh để đối-phó.

Nghe tin quân Nhật ở Thượng-Hải bị thua, quân Nghĩa-dũng các nơi càng hăng-hái nổi dậy ngày 1 Février Phùng - Dung mang toàn - bộ từ Bắc-Bình đến Thượng-Hải. Hội công-nhân liên-hợp tổ-chức đội cảm-tử, cũng kéo xuống miền Nam.

Tám nghĩa-sĩ ở đông-bắc là Lão-Bắc-Phòng, Tiểu Bạch Long, Hùng Phi, Cảnh kế chu, Hùng Hiền Thanh, Cáp Tám tỉnh, Triêu-Bằng, Lưu-Kiến Công, vẫn hết sức chống nhau với Nhật. Sợ quân-sĩ các nơi thấy thế quân Nhật mạnh mà nản lòng, hôm mới đây, Lão-Bắc-Phòng mở cuộc hội-nghị quân-sự ở Hồng-Loa, 7 nghĩa-sĩ kia có phải đại-biểu đến dự, Lão cắn tay lấy máu pha vào rượu mời các đại-biểu uống thề cùng nhau hiến thân thờ nước....,

ĐÂU CÓ LẠ-LÙNG!

Jack London
soạn

Trà-sơn
dịch

Tiếp theo

Trông thấy thế, chàng hoa mắt choáng đầu, khác nào sét đánh. Vì bị cảm-súc mạnh quá, chàng bỗng có chí muốn chết quách đi cho rồi. Hiện đương ốm như thế này, mà lại mất một tay giúp đỡ vẫn chờ mong, thì chắc chàng không có thể cáng đáng nổi cái công việc của mình được nữa. Thôi thế là đồn điền Bê-rang-đệ phen này đi đứt. Nhưng, cái nghị-lực cương quyết của chàng lại chiếm phần mạnh, nên chàng liền sai bốn tên mọi khiêng băng-ca hiện đương trèo lên bờ hè, đặt băng-ca xuống sàn nhà.

Lúc cùng nhau từ biệt, chàng Huy-ghi Đuy-mông vẫn mạnh khỏe như thường. Đến bây giờ thì chỉ còn có..... mắt thì chũng, môi thì thâm, để hở cả răng, hai gò má thì chồi lên, hình như muốn sé rách lần da bọc ngoài.

Chàng Xen-đôn sai một thằng ở lấy cái hàn-thử-biểu ra, và đưa mắt hỏi thầm viên quan-ba tầu Dịch-sĩ.

Chàng Ô-lê-dông đáp:

— Ông ta mắc bệnh sốt rét ngã nước. Suốt mười hôm giời nay, ông ta cứ nằm lỳ như thế này đây. Vả, trên tầu lại có bệnh dịch-ly, mà tôi xem hình như ông ở đây cũng chung một số-phận ấy.

— Có thế thật. Mỗi ngày tôi phải trôn tới 4 người phu.

Đáp xong, chàng Xen-đôn nghiêng mình xuống để chiếc hàn-thử-biểu vào miệng bạn. Một lát chàng nói:

—107 độ (theo độ Fabrenteit) tội nghiệp thay cho Huy-ghi, thôi thế là xong đời.

Chàng Ô-lê-dông nghe thấy thế thở dài một cái và lấy một cốc rượu mạnh ra pha nước suối để uống cho đỡ khát.

Chàng Xen-đôn thì sai người đi tìm một người đốc-công mà bảo hắn đi đào lấy một ngôi mộ và phá mấy cái thùng gỗ cũ đóng một cái quan-tài.

.....

.....

Nói xong, chàng Xen-đôn nằm vật xuống chiếc ghế xích-đu mà nhắm mắt lại.

Vừa rót cốc rượu khác chàng Ô-lê-dông thuật chuyện rằng:

— Chuyến này chúng tôi đi, lúc thì gió ngược, lúc giời lại im, không biết xoay-giở thế nào được nữa. Dòng đã 10 hôm giời nay, chúng tôi bị lênh đênh trong vụng, ở đằng sau tầu, lại còn không biết cơ man nào là cá mập theo sau để đớp những sác người chết trên tầu quẳng xuống. Ngay lúc nẫy, khi tôi vừa bước chân xuống xuồng, những con quái-vật ấy còn xúm quanh lại mà đớp các mái chèo. Giá bây giờ có một trận cuồng phong nổi lên quét sạch đảo Sa-lô-mông, cho tiệt loài cá ấy, thì tôi có phải xa vào nơi địa ngục cũng không oán hận chút nào.

—.....

Ấy chỉ vì ăn phải cái nước sông U-ga mà chúng tôi mắc phải bệnh lỵ khốn-nạn này.

Ở đảo Mã-lai-tạ ra về, tôi có cho vợi nước vào thùng; khốn nạn, nào tôi có biết đâu! Đã nhiều lần tôi dùng nước con sông ấy, đều không việc gì cả.

Lúc tầu khởi-hành, mọi sự đều được như-ý. Trên tầu lúc bấy giờ có đủ 60 tên phu, 15 người làm. Dọc đường bệnh mới phát-sinh. Suốt ngày đêm chúng tôi phải quẳng chúng xuống biển. Tôi dám thề rằng: chúng tự để cho chết cố-ý làm rầy tôi! Thôi cho quỉ-sứ nó bắt chúng đi cũng phải!

«Bầy người làm trong tầu chết. Bốn người thì nằm só, số-mệnh chưa biết ra sao. Còn bốn người sống lưởng-vưởng thì cùng về với tôi đây. Thật là cái cảnh địa-ngục! Nhưng thở-than nào có ích chi?»

Chàng Xen-đôn khẽ hỏi:

— Thế còn những tên phu thì sao? Còn lại được bao nhiêu tên cả thảy?

— Đi đứt mất một nửa. Ba mươi tên sống sót thì hai mươi tên ốm nằm đó. Còn mười tên nữa ốm chỉ còn bò lê đi được mà thôi.

Chàng Xen-đôn thở dài đáp:

— Như vậy nghĩa là phải mở rộng thêm căn nhà thương ra. Thôi chả hề gì! Ta phải làm thế nào mà đưa ngay chúng lên bờ... Việt-bửu-ri! Bớ Việt-bửu-ri! Mi khá lắc chiếc chuông lớn, gọi phu về. Lắc mạnh vào!

Bọn phu bị gọi về trước giờ nghỉ mọi khi, bèn chia ra làm ba toán. Toán thứ nhất thì vào rừng đẵn cây, giác qua-loa để làm kèo cột căn nhà thương mới.

Toán thứ hai thì đi đẵn tre lấy cả cành lá để làm mái.

Còn 40 người nữa thì đội chiếc xuồng lên đầu khiêng ra biển. Tuy gặp lắm sự không may, mà chàng Xen-đôn vẫn cắn răng chịu vậy, không hề nản chí ngã lòng.

Bỗng chốc quan-ba Ô-lê-dông hỏi chàng Xen-đôn rằng:

— Ngài có nhìn qua phong-vũ-biểu không?

— Không, làm sao? Nó xuống sao?

— Nó xuống vùn-vụt mắt trông cũng có thể thấy được.

Chàng Xen-đôn lại nói:

— Như vậy, thì ông nên trở lại tầu trước khi giời tối, thế có lẽ cẩn-thận hơn. Ông không nên phiền lòng cho chàng Huy-ghi làm gì. Tôi sẽ lo mai táng cho chàng chu-tất.

Quan-ba Ô-lê-đông nói:

— Khi tôi từ-biệt tầu Dịch-sĩ thì có một đứa ốm sắp chết. Tôi có cần đem nó lên bờ cùng với những đứa khác không?

Chàng Xen-đôn liền đáp:

— Ồ thôi, không cần... ông cứ quẳng nó xuống biển. Chúng tôi ở đây đào bằng ấy ngôi mộ cũng đã đủ khướt người rồi!

— Thôi được, thôi được... bất tất phải gắt, ông nói thế tôi đủ hiểu rồi.

Chàng Xen-đôn lại dịu-dàng nói:

— Nếu ngày mai ngài còn ở đó, thì xin ngài làm ơn lên bộ để giúp tôi một tay, bằng như ngài không lên được, thì ngài phái ông Hai lên giúp tôi cũng được.

— Thôi được! Tôi sẽ xin thân-trình lên. Lao Hai của tôi là ông Dương-sơn mất đã 3 hôm nay rồi. Tôi lấy làm buồn mà báo cho ông hay cái tin ấy, nhưng cơ sự là thế đấy.

Nói đến đó, quan-ba Ô-lê-đông đi ra bãi bể, khoa cánh tay nguyền rủa om xòm và cầu Giời dưng nước lên làm ngập quách quần-đảo Sa-lô-mông đi cho rồi.

Chàng Xen-đôn nhìn thấy tầu Dịch sĩ ngoi ngóp một cách nặng-nề trên mặt bể sóng dồn cuồn cuộn. Ở chân giời, về phía Tây-Bắc, ngay trên hòn đảo Phố-lô-ri-đa chàng nhìn thấy một đám mây đen kịt.

Chàng Huy-ghi đang hấp hối. Hơi thở chỉ còn thoi thóp một chút; chàng Xen-đôn nắm lấy tay thì thấy ban nẫy nóng như thế, mà bây giờ đang bắt đầu lạnh dần.

Rồi trong phút chốc bệnh-nhân tắt nghỉ, hơi thở im hẳn như chiếc đèn hết dầu. Chàng Xen-đôn liền quỳ xuống bên cạnh. Trông thấy thế lũ người nhà cũng xúm nhau quỳ lại chung quanh cái sác người chết. Cái màu trắng tinh những chiếc áo phủ ngoài càng làm lộ hẳn cái màu gia đen nhoáng cái vẻ mặt mọi rợ của chúng; một vài đứa lại có khoác thêm cái áo cộc, thì cái vẻ làm đỏm ấy phản-đối hẳn với những vành gỗ nặng nề đeo lủng-lẳng ở hai tai và những vòng xà-cừ lấp loáng ở đầu sống mũi.

Cầu kinh xong, chàng Xen-đôn đứng dậy trong người choáng váng. Từ mấy hôm nay khí giời đã thấy khó chịu, mà lúc bấy giờ chàng lại càng thấy khó chịu hơn, hình như không thở được nữa. Chàng thì thỉnh-thoảng lại nghển cổ lên hình như người sắp chết ngạt, còn tụi mọi thì mặt mũi chân tay, nhễ-nhại bồ hôi bồ kê.

Chợt cái, một tên mọi đột-nhiên nói:

— Thưa chủ-nhân sắp có bão to.

Chàng gật đầu ra ý cho là nói phải. Đưa mắt nhìn chòng chọc cái thây chàng Huy-ghi một người bạn thân-ái, chàng không sao ngảnh mặt đi được. Cái chết này làm cho cái gánh nặng về tinh-thần bấy lâu chàng vẫn đeo đẳng, bây giờ lại thấy nặng gấp hai.

Đương lúc tâm-thần uể-oải chàng thấy tự-nhiên nẩy ra cái quan-niệm chắc rằng cuộc phấn-đấu của mình chung-quy rồi cũng vô-ích. Chi bằng vứt bỏ hết cả, đành nhắm hai con mắt chui vào cái vực mênh-mông « trường vảng bất phản » cho nó yên thân?

Kể ra cái đó thật là một việc nhẹ nhàng! Hiện nay chỉ có cái nghị-lực của chàng nó còn độc-lực cố bấu-bíu lấy cuộc đời, chứ cái thân-thể chàng thì thật đã chết đi một nửa rồi. Đã đòi ba mươi lần rồi, chàng chỉ cách cái vực hư-vô tiêu tán cuối cùng độ một vài đốt ngón tay thôi. Vậy tội gì cứ bướng-bỉnh mãi, mà phỏng có ích gì?

Sau khi đã điềm-nhiên đối với những lúc sống dở chết dở ấy, bây giờ chàng cũng chẳng còn sợ gì cái chết thật, cái chết hoàn-toàn, nó chính là cái cơ giải-thoát cho chàng. Trái lại, chàng lại mong mỏi cái chết ấy. Tàm-thần nhọc-mệt, hình hài hao-kiệt chàng vẫn sẵn lòng gọi cái chết đến để nó rước mình đi. Ngọn đèn tắt vụt một cái thế là hết truyện.

Giữa lúc ấy, ngảnh mặt lên, hàng trông thấy hai chiếc xuồng ghé vào bờ, rồi một dẫy dài những bệnh nhân, kẻ thì nằm ở trên băng-ca, kẻ thì do người cõng, rền-rĩ thở-than, lần-lượt đi vào đồn-điền.

Đằng kia, mây vẫn cứ đùn-đùn bốc lên, gió cứ ào-ào từ bên giời kéo đến.

Dưới cái mệnh-lệnh của nghĩa-vụ, lương-tâm bắt buộc chàng không hề suy-nụy được. Chàng liền đi theo các người ốm đến căn nhà thương. Đến đấy, chàng ra lệnh cho các người cai lấy những túi cát buộc vào giây, quàng qua nóc nhà để phòng khi có bão, cho khỏi bị gió tốc. Muốn cho chắc-chắn, chàng sai lấy cả cái giây neo bằng sắt để dành, vẫn buộc ở những cái cọc chân nhà chàng ở.

Xong đâu đấy, chàng quay về nhà thì vừa hay mọi người mang đến cái quan-tài của chàng Huy-ghi, làm bằng mảnh thùng ghép lại. Chàng cho đặt sác người chung phần của chàng vào đấy, rồi, lắc lư trên lưng một tên mọi, một tay ôm lấy cổ con « ngựa người », một tay cầm quyển kinh thánh, chàng sai sáu người khiêng cái di-hài của Huy-ghi ra cái mả đã đào ở bờ bể.

Đương khi chàng lên tiếng đọc kinh phả-độ, những tên mọi ra vẻ lo sợ, nhìn những đám mây cứ lù lù kéo lên ở trên mặt bể đen sì ở đằng xa.

Chàng vừa đọc kinh xong, thì một trận gió nhẹ nhàng mát mẻ ở đâu đưa đến, như quạt vào cái thân-thể khô-khan, chẳng khác gì một liều thuốc bổ vậy.

Rồi, đương lúc thuổng cuốc vội vàng lấp cho đầy cái hố cát còn hở, cơn gió thứ hai tiếp đến, hình như cái dư-khí của một người đương tức giận.

(Kỳ sau sẽ tiếp)



PHỤ-NỮ THỜI-ĐÀM

Cơ-quan hàng ngày

truyền-bá tư-tưởng, bênh-vực quyền-lợi,
xướng-xuất và tán-thành
các công việc bổn phận
của Nữ-giới.

Chủ-nhiệm : **Mme NGUYỄN-VĂN-ĐA**

Báo-Quán : 11-13, Phố sông Tô-Lịch — Hanoi

DIRECTEUR PROPRIÉTAIRE :

ĐINH-BƯỞI

TRINH-VAN-BICH HANOI

RIZERIE MODERNE

Livraison à domicile à toutes quantités et qualités

70, Rue des Tubercules — Hanoi

Certifié l'insertion l'Administrateur Gérant Ngô-Thuc-DICH — Imp. Trinh-Van-BICH — Hanoi